

Dự luật số 195 của Quốc hội: Tổng quan

Dự luật Hội đồng Lập pháp 195 (AB 195) sửa đổi các điều khoản liên quan đến học sinh là người học tiếng Anh. Được Thống đốc Steve Sisolak phê duyệt vào ngày 2 tháng 6 năm 2021, AB 195 mở rộng quyền của học sinh là người học tiếng Anh và quyền của phụ huynh. Mục ba của dự luật được trình bày dưới đây cung cấp tổng quan về các quyền này.

Phần 3: Quyền của học sinh và phụ huynh học sinh học tiếng Anh

1. Học sinh học tiếng Anh có quyền:
 - a. Được học chương trình giáo dục công lập phù hợp, miễn phí bất kể tình trạng nhập cư hoặc ngôn ngữ chính của học sinh hay phụ huynh hoặc người giám hộ hợp pháp của học sinh;
 - b. Được tiếp cận công bằng với tất cả các chương trình và dịch vụ do trường học hoặc học khu mà học sinh theo học cung cấp cho các học sinh trong cùng cấp lớp không phải là người học tiếng Anh;
 - c. Được giảng dạy theo cùng cấp lớp với các học sinh khác có độ tuổi tương tự với học sinh là người học tiếng Anh, trừ khi trường học hoặc học khu mà học sinh theo học xác định rằng việc sắp xếp cho học sinh là người học tiếng Anh theo học ở một cấp lớp khác là phù hợp;
 - d. Có quyền tiếp cận công bằng vào các hoạt động ngoại khóa;
 - e. Được nhận các dịch vụ thích hợp giúp hỗ trợ học tập do trường học hoặc học khu cung cấp cho học sinh không phải là người học tiếng Anh theo học tại trường học hoặc học khu;
 - f. Được đánh giá hàng năm để xác định tiến độ học tiếng Anh của học sinh và để thu thập thông tin về thành tích học tập của học sinh, bao gồm nhưng không giới hạn ở, kết quả của kỳ thi được thực hiện theo Nevada Revised Statutes (Các Đạo Luật Được Sửa Đổi Của Nevada, NRS) 390.105; và
 - g. Được liên tục theo học trong một chương trình dành cho người học tiếng Anh, miễn là học sinh vẫn được xếp loại là người học tiếng Anh, trừ khi phụ huynh hoặc người giám hộ hợp pháp của học sinh từ chối cho học sinh theo học chương trình dành cho người học tiếng Anh.
2. Phụ huynh hoặc người giám hộ hợp pháp của học sinh là người học tiếng Anh có quyền:
 - a. (a) Ghi danh cho con em mình vào một trường công lập mà không phải tiết lộ tình trạng nhập cư của học sinh hoặc phụ huynh hay người giám hộ hợp pháp;
 - b. (b) Trong phạm vi hợp lý, có thông dịch viên có chuyên môn về ngôn ngữ chính của phụ huynh hoặc người giám hộ hợp pháp đi cùng phụ huynh hoặc người giám hộ hợp pháp trong những dịp tương tác quan trọng với học khu;
 - c. (c) Trong phạm vi hợp lý, được nhận văn bản thông báo bằng cả tiếng Anh và ngôn ngữ chính của phụ huynh hoặc người giám hộ hợp pháp thông báo rằng học sinh đã được xếp loại là người học tiếng Anh và sẽ được theo học một chương trình dành cho người học tiếng Anh;
 - d. (d) Được nhận thông tin về tiến độ học tiếng Anh của học sinh và, tiến độ học tập ngôn ngữ trong chương trình song ngữ nếu học sinh có theo học;
 - e. (e) Gặp gỡ nhân viên của trường mà học sinh đang theo học ít nhất một lần mỗi năm theo yêu cầu của phụ huynh hoặc người giám hộ hợp pháp, ngoài bất kỳ cuộc họp

cần thiết nào khác, để thảo luận về tiến độ tổng quát trong việc học tiếng Anh của học sinh;

f. (f) Chuyển học sinh đến một trường khác trong học khu nếu trường mà học sinh hiện đang theo học không cung cấp chương trình dành cho người học tiếng Anh hoặc học sinh đã được đưa vào kế hoạch khắc phục sửa chữa theo NRS 388.408;

g. (g) Được nhận thông tin liên quan đến bất kỳ đánh giá nào về học sinh theo đoạn (f) của phần phụ 1; và

h. (h) Liên hệ với Sở hoặc học khu, nếu phù hợp, nếu trường học hoặc học khu mà học sinh đang theo học vi phạm các điều khoản trong phần này.

3. Bất kể các điều khoản của đoạn (b) và (c) trong phần phụ 2 ra sao, ban giám hiệu của mỗi học khu phải cung cấp thông tin cho phụ huynh hoặc người giám hộ hợp pháp của học sinh là người học tiếng Anh bằng ngôn ngữ và định dạng mà phụ huynh hoặc người giám hộ hợp pháp có thể hiểu được.

4. Trong phạm vi có thể thực hiện được, ban giám hiệu của mỗi học khu phải cung cấp văn bản thông báo, cho phụ huynh hoặc người giám hộ của học sinh là người học tiếng Anh các quyền được mô tả trong phần này bằng cả tiếng Anh và ngôn ngữ chính của phụ huynh hoặc người giám hộ hợp pháp, vào lúc học sinh được đăng ký vào một trường trong học khu hoặc vào thời điểm học sinh được xác định là người học tiếng Anh. Học khu phải cung cấp một bản sao của các quyền được mô tả trong phần này cho phụ huynh hoặc người giám hộ của học sinh là người học tiếng Anh vào giai đoạn đăng ký hàng năm cho học sinh vào một trường trong học khu.

5. Sở phải cung cấp các bản sao đã được biên dịch của những quyền được mô tả trong phần này bằng năm ngôn ngữ phổ biến nhất ngoài tiếng Anh được sử dụng chính tại các hộ gia đình trong mỗi học khu, có thể bao gồm nhưng không giới hạn ở, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Tagalog. Ban giám hiệu của mỗi học khu và mỗi trường học có học sinh là người học tiếng Anh phải đăng tải một bản sao của các quyền được mô tả trong phần này lên trang web tương ứng của mình trên Internet bằng nhiều ngôn ngữ nhất có thể, bao gồm nhưng không giới hạn ở, các ngôn ngữ do Sở biên dịch theo phần phụ này, nếu học khu có thể.

Assembly Bill 195: ሓፈሽዊ ትሕዝቶ

ናይ ባይቶ እማመ ቁጽረ 195 ን ተማሃሮ ቋንቋ ኢንግሊሽ ዝኾኑ ተማህሮ ዝምልከት ቀረባት ይግምግም። ብሰነ 2, 2021 ብ Governor Steve Sisolak ዝጸደቐ AB 195 : ን መሰላት ተማሃሮ ቋንቋ ኢንግሊሽ ዝኾኑ ተማህሮ ን ኣስፊሖም። እዚ ኣብ ታሕቲ ተዘርዚሩ ዘሎ ሳልሳይ ክፋል ናይቲ እማመ ብዛዕባ እቶም መሰላት ሓፈሻዊ መብርሂ ይህብ።

ሳልሳይ ክፋል : ተማሃሮ ቋንቋ ኢንግሊሽን ተማሃሮ ቋንቋ ኢንግሊሽ

1. ተማሃራይ ቋንቋ ኢንግሊሽ ዝኾኑ ተማሃራይ ነዞም ዝስዕቡ መሰላት ኣለዎ:
 - a. ናይ ተማሃራይ ናይ ኢሚግራሽን ኩነታቱ ብዘይገድስ ወይ መባእታዊ ቋንቋኡ/ቋንቋ ኣዲኡ ወይ ናይ ወላዲኡ ወይ ሞግዚቱ መባእታዊ ቋንቋኦም ብዘይገድስ ግቡእ ህዝባዊ ትምህርቲ ብናጻ ይቐበል።
 - b. ማዕረ ኣገልግሎት ነቲ ን ኹሎም ናይ ቋንቋ ኢንግሊሽ ተማሃሮ ዘይኮኑ ኣብ ሓደ ደረጃ ክፍሊ ኣብ ሓደ ቤት ትምህርትን ምስኦም ዘለዉ ተማሃሮ ብቤት ትምህርቲ ዘባን ዝቐረቡ ፕሮግራማትን ኣገልግሎታትን።
 - c. እቲ ተማሃራይ ተመዝጊብሉ ቤት ትምህርቲ ወይ ዘባ ተማሃራይ ቋንቋ ኢንግሊሽ ኣብ ግቡእ ካብቶም ናይ ቋንቋ ኢንግሊሽ ተማሃሮ ዘይኮኑ ዝተፈለየ ደረጃ ክፍሊ ክትምደብ እንተዘይ ወሲኑ፡ ምስቶም ተመሳሳሊ ዕድመ ዘለዎም ናይ ቋንቋ ኢንግሊሽ ተማሃሮ ዘይኮኑ ተማሃሮ ኣብ ማዕረ ደረጃ ክፍሊ ክትመሃሩ።
 - d. ኣብቲ ካብ ትምህርታዊ ወጻኢ ዚግበሩ ንጥፈታት ብማዕረ ክትካፈል ትክእል፤
 - e. ነቶም ተማሃሮ ቋንቋ ኢንግሊሽ ዘይኮኑ ተመሃሮ ኣብ እዚ ቤት ትምህርቲ ወይ ናይ ቤት ትምህርቲ ዘባ ዝተመዝገቡ ዚወሃቦም ብቤት ትምህርቲ ወይ ናይ ትምህርቲ ዘባ ዝቐረብ ግቡእ ኣገልግሎት ትቐበል፤
 - f. እቲ ተመሃራይ ነቲ ናይ ኢንግሊዝኛ ተማሃራይ ኣብ ምምሃር ንዝገበሮ ዕቡት ንምውሳኑ ከምኡውን ነቲ ተማሃራይ ብዛዕባ እካዳምያዊ እስልጦ ናይቲ ተማሃራይ ሓበሬታ ንምርካብ ውጽኢት ናይ NRS 390.105 እተገበረ መርመራ ካልኣት መርመራታትን ንምርካብ ኣብ ዓፃመት ገምጋም ክገበረሉ ኣለዎ፤
 - g. ብዘይካ እቲ ወላዲ ወይ ሕጋዊ ሞግዚት እቲ ተማሃራይ ንተመሃራይ ኢንግሊዝኛ ዚመሃርዎ መደብ እንተ ዘይኣቲዩ እቲ ተመሃራይ ከም ኢንግሊዝ ተመሃራይ ጌርካ ክትምደብ ተዘይደልዮም ነቶም ኢንግሊዝ ዝምሃሩ ብቐጻሊ ኣብ መደብ ኣእትዎም።
2. ወላዲ ወይ ሕጋዊ መግዚት ናይ ሓደ ተመሃራይ ቋንቋ ኢንግሊሽ ከምዚ ዝስዕብ መሰል ኣለዎ:
 - a. ናይቲ ተማሃራይ ወይ ናይቲ ወላዲ ወይ ሕጋዊ ሞግዚት ናይ ኢሚግራሽን ኩነታት ከይገለጸ ውላዲ ኣብ ህዝባዊ ቤት ትምህርቲ ከመዝግብ ይክእል
 - b. ብዝተኻለለ መጠን፡ ምስ ናይ ቤት ትምህርቲ ዘባ ኣብ ዝገበር ኣገዳሲ ርክባት፡ ምስቲ ወላዲ ወይ ሕጋዊ ሞግዚት ብቐዳማይ ቋንቋ ናይቲ ወላዲ ወይ ሞግዚት ብቐጽ ተርጓሚ ምህላው
 - c. ብዝተኻለለ መጠን፡ እቲ ተማሃራይ ከም ተማሃራይ ቋንቋ ኢንግሊሽ ከምዝተለለየን ኣብ መደብ ተማሃሮ ኢንግሊዝኛ ከምዝተመደበን ብክልቲኡ ቋንቋታት ኢንግሊዝኛን ቀዳማይ ቋንቋ ናይቲ ወላዲ ወይ ሕጋዊ ሞግዚትን ብጽሑፍ ምልክታ ምቕባል፤
 - d. ብዛዕባ ምዕባለ እቲ ተማሃራይ ኣብ ምምሃር ቋንቋ ኢንግሊዝን እቲ ተማሃራይ ኣብ መደብ ትምህርቲ ምልክት ክልቲ ቋንቋታት እንተተመዝጊቡን፡ እቲ ተማሃራይ ኣብ ምምሃር ቋንቋታት ናይቲ መደብ ዝገበር ምዕባለን ሓበሬታ ምቕባል፤
 - e. ብመሰረት ሕቶ ወላዲ ወይ ሕጋዊ ሞግዚት : ብዘይካ እቲ ካልእ ኣድላይ ዝኾነ ኣኼባታት፡ ምስ መምህራንን ሰራሕተኛታትን ናይቲ ተማሃራይ ዝተመደበሉ ቤት ትምህርቲ እንተወሓደ ኣብ ዓመት ሓደ ግዜ ተራኺብካ፡ ሓፈሻዊ ምዕባለን ገስጋስን ናይቲ ተማሃራይ ኣብ ምምሃር ቋንቋ ኢንግሊዝ ምዝታይ፤
 - f. እቲ ተማሃራይ ኣብዚ እዋን እዚ ኣብ ተመዝጊቡሉ ዘሎ ቤት ትምህርቲ ናይ ተማሃሮ ቋንቋ ኢንግሊሽ መደባት ዘይቅርብ እንተኾይኑ ወይ እቲ ቤት ትምህርቲ ብመሰረት NRS 388.408 ኣብ ኣራሚ መደብ እንተተቐሚጡ ነቲ ተማሃራይ ናብ ካልእ ኣብ ውሽጢ እዚ ናይ ቤት ትምህርቲ ዘባ ኣሰጋግሮ፤
 - g. ብመሰረት ሕጡቡጽጽጽ (f) ንኡስ ዓንቀጽ 1 ምስ ዝኾነ ይኹን ገምጋማት ናይቲ ተማሃራይ ዝተኣሰረ ሓበሬታ ምቕባል፤

ከ. እቲ ተማሃራይ ዝተመደበሉ ቤት ትምህርቲ ወይ ናይ ትምህርቲ ዞባ ድንጋገታት ናይዚ ክፋል እንተጥሒሱ፡ ከም ኣድላይነቱ ነቲ ዝምልከቶ ክፍሊ ወይ ነቲ ናይ ቤት ትምህርቲ ዞባ ኣመልከት።

3. ኣብ ንኡስ ዓንቀጽ 2 ሕጡቡጽሑፍ (b)ን (c)ን ጽዲቕም ዘለው ድንጋገታት ብዘየገድስ፡ ቦርድ ኣማኸርቲ ናይ ነፍሲ ወከፍ ናይ ቤት ትምህርቲ ዞባ ንወላዲ ወይ ሕጋዊ ሞግዚት ናይ ሓደ ተማሃራይ ቋንቋ ኢንግሊሽ ሓበሬታ፡ ወላዲ ወይ ሕጋዊ ሞግዚት ክርድኦ ብዝኸለል ብቋንቋን ቅርጽን ክህብ ክለዎ።
4. ብዝተኸለለ መጠን፡ ቦርድ ኣማኸርቲ ናይ ነፍሲ ወከፍ ናይ ቤት ትምህርቲ ዞባ፡ ኣብ እዋን ምዝገባ ተማሃራይ ኣብ ውሽጢ እዚ ናይ ትምህርቲ ዞባ ወይ ኣብቲ ተማሃራይ ቋንቋ ኢንግሊሽ ከም ዝኾነ ዝተለለየሉ እዋን፡ ነዞም ኣብዚ ክፋላት ዝተገልጹ መሰላት ብጽሑፍን ብኸልቲኡ እንግሊዝኛን ቀንዲ ቋንቋ ወላዲ ወይ ሕጋዊ ሞግዚትን ናይ ሓደ ተማሃራይ እንግሊዝኛ ዝኾነ ተማሃራይን ክሕብርዎም ኣለዎም። እቲ ናይ ትምህርቲ ዞባ ን ወላዲ ወይ ሕጋዊ ሞግዚት ናይቲ ተማሃራይ ቋንቋ ኢንግሊሽ፡ ቅዳሕ ናይቲ ኣብዚ ክፋላት ዝተገልጹ መሰላት ኣብ ዓመታዊ ምዝገባ ተማሃራይ ኣብዚ ውሽጢ ናይ ትምህርቲ ዞባ ክቐርብ ይግባእ።
5. እቲ ክፍሊ ትምህርቲ ኣብዚ ክፋላት ዝተገልጹ መሰላት ኣብ ካብ እንግሊዝኛ ወዳኢ ብቐንዱ ኣብ ውሽጢ እዚ ናይ ትምህርቲ ዞባ ኣብ ዝርከባ ስድራቤታት ዝዝረቡ ሓሙሽተ ኣዝዮም ልሙዳት ቋንቋታትን ዝተተርጎሙ ቅዳሓት የቐርቡ። እቶም ቋንቋታት ድማ ብዘይ ደረት ስዳኛን ታጋሎግን ከጠቓልል ይኸእል። ናይ ነፍሲ ወከፍ ኣማኸርቲ ቦርድ ቤት ትምህርቲ ዲስትሪክትን ነፍሲ ወከፍ ተማሃሮ እንግሊዝኛ ዝኾኑ ተማሃሮ እተመዝግቡ ቤት ትምህርትን ቅዳሕ ናይቲ ኣብዚ ክፍሊ ኣብ ቡብወገኖም ኣብ መርቡብ ሓበሬታ ኢንተርነት ብብዙሕ ቋንቋታት ዝተገልጹ መሰላት ዝኸኣል፤ እዚ ድማ ብዘይ ደረት፤ ከምኡ'ውን ከምቲ ንኣውራጃ ቤት ትምህርቲ ዝምልከት፤ እቲ ብመሰረት እዚ ንኡስ ክፍሊ ብዲፓርትመንት ዝተተርጎሙ ቋንቋታት።

Assembly Bill 195: Обзор

Законопроект Ассамблеи 195 (АВ 195) пересматривает положения, касающиеся учеников, изучающих английский язык. Законопроект АВ 195, одобренный Governor Steve Sisolak 2 июня 2021 года, расширяет права учеников, изучающих английский язык, и права их родителей. В третьем разделе законопроекта, приведенном ниже, представлен обзор этих прав.

Раздел Третий: Права изучающих английский язык учеников и их родителей

1. Учащийся, изучающий английский язык, имеет право:
 - a. Получать соответствующее бесплатное государственное образование независимо от иммиграционного статуса или основного языка учащегося или родителя или законного опекуна учащегося;
 - b. Получать равный доступ ко всем программам и услугам, которые предлагаются учащимся того же класса, которые не изучают английский язык, в школе или школьном округе, в которые зачислен ученик;
 - c. Получать обучение на том же уровне, что и другие ученики того же возраста и класса, что и ученик, изучающий английский язык, если только школа или школьный округ, в которые зачислен ученик, не определит, что ученика, изучающего английский язык, уместно перевести в другой класс;
 - d. Получать равный доступ к участию во внеклассных мероприятиях;
 - e. Получать соответствующие услуги по академической поддержке, предоставляемые школой или школьным округом учащимся, зачисленным в школу или школьный округ и не изучающим английский язык;
 - f. Проходить ежегодную оценку для определения прогресса учащегося в изучении английского языка и для получения информации об академической успеваемости учащегося, включая, помимо прочего, результаты экзамена, проводимого в соответствии с NRS 390.105; и
 - g. Быть постоянно включенным в программу для изучающих английский язык до тех пор, пока ученик классифицируется как изучающий английский язык, если только родитель или законный опекун ученика не откажется от помещения ученика в программу для изучающих английский язык.
2. Родитель или законный опекун ученика, изучающего английский язык, имеет право:
 - a. Записать своего ребенка в государственную школу, не раскрывая иммиграционный статус ученика, родителя или законного опекуна;
 - b. Насколько это практически возможно, иметь квалифицированного переводчика с основного языка родителя или законного опекуна во время важных взаимодействий со школьным округом;
 - c. Насколько это возможно, получить письменное уведомление на английском и основном языке родителя или законного опекуна о том, что ученик был определен как изучающий английский язык и будет зачислен на программу для изучающих английский язык;

- d. Получать информацию об успехах учащегося в изучении английского языка и, если учащийся зачислен на программу двуязычного обучения, о прогрессе учащегося в изучении языков этой программы;
 - e. По просьбе родителя или законного опекуна встречаться с сотрудниками школы, в которую зачислен ученик, не реже одного раза в год, помимо любых других необходимых встреч, для обсуждения общего прогресса ученика в изучении английского языка;
 - f. Перевести ученика в другую школу в пределах школьного округа, если школа, в которую в настоящее время зачислен ученик, не предлагает программу для изучающих английский язык или включена в план корректирующих действий в соответствии с NRS 388.408;
 - g. Получать информацию, связанную с любыми оценками ученика в соответствии с пунктом (f) подраздела 1; и
 - h. Связаться с Департаментом или школьным округом, в зависимости от обстоятельств, если школа или школьный округ, в который зачислен учащийся, нарушает положения настоящего раздела.
3. Несмотря на положения пунктов (b) и (c) подраздела 2, попечительский совет каждого школьного округа должен предоставлять информацию родителю или законному опекуну ученика, изучающего английский язык, на языке и в формате, которые будут понятны родителю или законному опекуну.
4. Насколько это практически возможно, попечительский совет каждого школьного округа должен информировать в письменной форме на английском и основном языке родителя или законного опекуна ученика, изучающего английский язык, об описанных правах этого раздела во время регистрации ученика в школе школьного округа или в момент, когда ученик определен как изучающий английский язык. Школьный округ должен предоставить родителю или законному опекуну ученика, изучающего английский язык, копию прав, описанных в этом разделе, при ежегодной регистрации ученика в школе в пределах школьного округа.
5. Департамент должен предоставить переведенные копии прав, описанных в этом разделе, на пяти наиболее распространенных языках, помимо английского, на котором преимущественно говорят в семьях каждого школьного округа, которые могут включать, помимо прочих, испанский и тагальский языки. Попечительский совет каждого школьного округа и каждой школы, в которую принимаются ученики, изучающие английский язык, должен разместить копию прав, описанных в этом разделе, на соответствующих веб-сайтах в Интернете на как можно большем количестве языков, которые могут включать без ограничений языки, допустимые в школьном округе, и языки, используемые Департаментом в переводе настоящего подраздела.

Assembly Bill 195: Overview

Assembly Bill 195 (AB 195) revises provisions relating to pupils who are English learners. Approved by Governor Steve Sisolak on June 2, 2021, AB 195 extends the rights of English learner pupils and parental rights. Section three of the bill included below provides an overview of these rights.

Seksyon 3: English Learner Pupil and Parental Rights

1. Ang isang mag-aaral na English learner (nag-aaral ng Ingles) ay may karapatang:
 - a. Tumanggap ng libreng naaangkop na pampublikong edukasyon, anuman ang katayuan sa imigrasyon o pangunahing wika ng mag-aaral o magulang o ligal na tagapag-alaga ng mag-aaral;
 - b. Pantay na access sa lahat ng programa at serbisyong iniaalok ng paaralan o distrito ng paaralan kung saan naka-enroll ang mag-aaral sa mga mag-aaral sa parehong baitang na hindi nag-aaral ng Ingles;
 - c. Tumanggap ng tagubilin sa baitang na pareho sa ibang mga mag-aaral na kaedad ng mag-aaral na nag-aaral ng Ingles, maliban kung tinukoy ng paaralan o distrito ng paaralan kung saan naka-enroll ang mag-aaral na naaangkop para sa mag-aaral na nag-aaral ng Ingles na mailagay siya sa ibang baitang;
 - d. Pantay na access upang lumahok sa mga extracurricular na aktibidad (mga gawain sa paaralan na dagdag sa karaniwang kurikulum);
 - e. Tumanggap ng mga naaangkop na serbisyo para sa akademikong suporta na ibinibigay ng paaralan o distrito ng paaralan sa mga mag-aaral na hindi nag-aaral ng Ingles na naka-enroll sa paaralan o sa distrito ng paaralan;
 - f. Masuri kada taon para matukoy ang pag-unlad ng mag-aaral sa pag-aaral ng wikang Ingles at para makakuha ng impormasyon tungkol sa academic performance (mga marka sa paaralan) ng mag-aaral, kabilang nang walang limitasyon ang mga resulta ng pagsusulit na ibinigay alinsunod sa NRS 390.105; at
 - g. Patuloy na mailagay sa isang programa para sa mga nag-aaral ng Ingles hangga't nauuri ang mag-aaral bilang isang nag-aaral ng Ingles, maliban kung tumanggi ang magulang o ligal na tagapag-alaga ng mag-aaral na ilagay ang mag-aaral sa isang programa para sa mga nag-aaral ng Ingles.
2. Ang magulang o ligal na tagapag-alaga ng isang mag-aaral na nag-aaral ng Ingles ay may karapatang:
 - a. Ipadala ang kanyang anak (o batang inaalagaan) sa isang pampublikong paaralan nang hindi ipinapaalam ang katayuan sa imigrasyon ng mag-aaral o ng magulang o ligal na tagapag-alaga;
 - b. Sa abot ng makakaya, magsama ang magulang o ligal na tagapag-alaga ng kwalipikadong tagasalin sa pangunahing wika ng magulang o ligal na tagapag-alaga tuwing may mahahalagang pakikipag-ugnayan sa distrito ng paaralan;
 - c. Sa abot ng makakaya, tumanggap ng nakasulat na paunawa sa parehong Ingles at pangunahing wika ng magulang o ligal na tagapag-alaga na nagsasabing tinukoy ang mag-aaral bilang isang nag-aaral ng Ingles at ilalagay siya sa isang programa para sa mga nag-aaral ng Ingles;
 - d. Tumanggap ng impormasyon tungkol sa pag-unlad ng mag-aaral sa pag-aaral ng wikang Ingles at, kung naka-enroll ang mag-aaral sa isang programa sa edukasyong

bilingual (dalawang wika ang ginagamit), ang pag-unlad ng mag-aaral sa pag-aaral ng mga wika ng programang iyon;

e. Kung hihilingin ng magulang o ligal na tagapag-alaga, makipagpulong sa mga tauhan ng paaralan kung saan naka-enroll ang mag-aaral kahit isang beses kada taon, bukod sa anumang iba pang mga kinakailangang pagpupulong, para talakayin ang pangkalahatang pag-unlad ng mag-aaral sa pag-aaral ng wikang Ingles;

f. Ilipat ang mag-aaral sa iba pang paaralan sa loob ng distrito ng paaralan kung hindi nag-aalok ang paaralan kung saan kasalukuyang naka-enroll ang mag-aaral ng programa para sa mga nag-aaral ng Ingles o inilagay siya sa isang corrective action plan (plano sa pagwawasto ng pagkilos), alinsunod sa NRS 388.408;

g. Tumanggap ng impormasyong nauugnay sa anumang mga pagsusuri ng mag-aaral, alinsunod sa talata (f) ng subseksyon 1; at

h. Makipag-ugnayan sa Departamento o sa distrito ng paaralan, ayon sa naaangkop, kung nilabag ng paaralan o distrito ng paaralan ang mga probisyon ng seksyong ito.

3. Sa kabila ng mga probisyon ng talata (b) at (c) ng subseksyon 2, magbibigay ang board of trustees ng bawat distrito ng paaralan ng impormasyon sa magulang o ligal na tagapag-alaga ng mag-aaral na nag-aaral ng Ingles sa wika at format na mauunawaan ng magulang o ligal na tagapag-alaga.

4. Sa abot ng makakaya, ipapaalam ng board of trustees ng bawat distrito ng paaralan, nang nakasulat at sa parehong Ingles at pangunahing wika ng magulang o tagapag-alaga ng mag-aaral na nag-aaral ng Ingles, sa magulang o ligal na tagapag-alaga ang mga karapatang inilalarawan sa seksyong ito sa oras ng pagpaparehistro ng mag-aaral sa isang paaralan sa loob ng distrito ng paaralan o sa oras na matukoy ang mag-aaral bilang isang nag-aaral ng Ingles. Magbibigay ang distrito ng paaralan ng kopya ng mga karapatang inilalarawan sa seksyong ito sa taunang pagpaparehistro ng mag-aaral sa isang paaralan sa loob ng distrito ng paaralan sa magulang o ligal na tagapag-alaga ng mag-aaral na nag-aaral ng Ingles.

5. Magbibigay ang Departamento ng mga isinaling kopya ng mga karapatang inilalarawan sa seksyong ito sa limang pinakakaraniwang wika maliban sa Ingles na pangunahing ginagamit sa mga sambahayan sa loob ng bawat distrito ng paaralan, na maaaring kabilang nang walang limitasyon ang Espanyol at Tagalog. Magpapaskil ang board of trustees ng bawat distrito ng paaralan at bawat paaralang nag-e-enroll ng mga mag-aaral na nag-aaral ng Ingles ng kopya ng mga karapatang inilalarawan sa seksyong ito sa kani-kanilang mga website sa Internet sa maraming wika, hangga't posible, na maaaring kabilang, nang walang limitasyon at ayon sa naaangkop para sa distrito ng paaralan, ang mga wikang isinalin ng Departamento, alinsunod sa subseksyong ito.

Projet de loi 195 de l'Assemblée : aperçu

Le projet de loi 195 de l'Assemblée (AB 195) révisé les dispositions relatives aux élèves qui apprennent l'anglais. Approuvé par le Gouverneur Steve Sisolak le 2 juin 2021, AB 195 étend les droits des élèves apprenant l'anglais et les droits parentaux. La section trois du projet de loi, incluse ci-dessous, donne un aperçu de ces droits.

Section trois : droits des élèves apprenant l'anglais et droits parentaux

1. Un élève qui apprend l'anglais a le droit de :
 - a. bénéficier d'un enseignement public gratuit et approprié, quel que soit le statut d'immigration ou la langue principale de l'élève, de ses parents ou de son tuteur légal ;
 - b. jouir de l'égalité d'accès à tous les programmes et services offerts aux élèves du même niveau scolaire qui ne sont pas des apprenants de l'anglais par l'école ou le district scolaire dans lequel l'élève est inscrit ;
 - c. bénéficier d'un enseignement au même niveau scolaire que les autres élèves qui ont le même âge que l'élève apprenant l'anglais, à moins que l'école ou le district scolaire dans lequel l'élève est inscrit juge approprié de placer l'élève apprenant l'anglais dans un niveau scolaire différent ;
 - d. jouir de l'égalité d'accès aux activités extrascolaires ;
 - e. bénéficier des services appropriés de soutien scolaire fournis par l'école ou le district scolaire aux élèves inscrits dans l'école ou le district scolaire qui ne sont pas des apprenants de l'anglais ;
 - f. être évalué chaque année afin de déterminer les progrès de l'élève dans l'apprentissage de l'anglais et d'obtenir des informations sur les performances scolaires de l'élève, y compris, sans s'y limiter, les résultats d'un examen administré conformément à l'article NRS 390.105 ; et
 - g. être placé de façon permanente dans un programme pour apprenants de l'anglais tant que l'élève est catégorisé comme apprenant de l'anglais, à moins que le parent ou le tuteur légal de l'élève ne refuse que l'élève soit placé dans un programme pour apprenants de l'anglais.
2. Le parent ou le tuteur légal d'un élève qui apprend l'anglais a le droit de :
 - a. inscrire son enfant dans une école publique sans divulguer le statut d'immigration de l'élève, du parent ou du tuteur légal ;
 - b. dans la mesure du possible, un interprète qualifié dans la langue principale du parent ou du tuteur légal accompagne le parent ou le tuteur légal lors des interactions importantes avec le district scolaire ;
 - c. dans la mesure du possible, recevoir un avis écrit en anglais et dans la langue principale des parents ou du tuteur légal indiquant que l'élève a été identifié comme apprenant de l'anglais et qu'il sera placé dans un programme pour apprenants de l'anglais ;
 - d. recevoir des informations sur les progrès de l'élève dans l'apprentissage de l'anglais et, si l'élève est inscrit à un programme d'enseignement bilingue, sur les progrès de l'élève dans l'apprentissage des langues de ce programme ;
 - e. à la demande des parents ou du tuteur légal, rencontrer le personnel de l'école dans laquelle l'élève est inscrit au moins une fois par an, en plus de toute autre réunion requise, pour discuter des progrès globaux de l'élève dans l'apprentissage de l'anglais ;

- f. transférer l'élève dans une autre école du district scolaire si l'école dans laquelle l'élève est actuellement inscrit n'offre pas de programme pour les apprenants de l'anglais ou a fait l'objet d'un plan de mesures correctives conformément à l'article NRS 388.408 ;
 - g. recevoir les informations relatives à toute évaluation de l'élève conformément au paragraphe (f) de la sous-section 1 ; et
 - h. contacter le département ou le district scolaire, le cas échéant, si l'école ou le district scolaire dans lequel l'élève est inscrit enfreint les dispositions de la présente section.
3. Nonobstant les dispositions des paragraphes (b) et (c) de la sous-section 2, le conseil d'administration de chaque district scolaire est tenu de fournir des informations au parent ou au tuteur légal d'un élève apprenant l'anglais dans une langue et un format que le parent ou le tuteur légal peut comprendre.
4. Dans la mesure du possible, le conseil d'administration de chaque district scolaire doit, par écrit et à la fois en anglais et dans la langue principale du parent ou du tuteur légal d'un élève apprenant l'anglais, informer le parent ou le tuteur légal des droits décrits dans la présente section au moment de l'inscription de l'élève dans une école du district scolaire ou au moment où l'élève est identifié comme apprenant de l'anglais. Le district scolaire doit fournir au parent ou au tuteur légal d'un élève apprenant l'anglais une copie des droits décrits dans la présente section lors de l'inscription annuelle de l'élève dans une école du district scolaire.
5. Le Département fournira des copies traduites des droits décrits dans la présente section dans les cinq langues les plus courantes autres que l'anglais principalement parlées dans les ménages de chaque district scolaire, qui peuvent inclure, sans s'y limiter, l'espagnol et le tagalog. Le conseil d'administration de chaque district scolaire et chaque établissement scolaire qui inscrit des élèves apprenant l'anglais doivent publier une copie des droits décrits dans la présente section sur leurs sites Internet respectifs dans autant de langues que possible, ce qui peut inclure, sans s'y limiter, et le cas échéant pour le district scolaire, les langues traduites par le Département conformément à la présente sous-section.

Muswada wa Bunge/sheria 195: Maelezo ya jumla

Muswada wa Bunge 195/ Sheria ya Bunge(AB 195) una rekebisha vifungu vinavyo husiana na wanafunzi ambao ni wasomi wa lugha ya Kiingereza. Iliidhinishwa na Gavana Steve Sisolak mnamo Juni 2, 2021, sheria AB 195 inaongeza haki za wanafunzi na wazazi wa wasomi wa lugha Kiingereza . Sehemu ya tatu ya muswada au sheria uliojumuishwa hapo chini unatoa muhtasari wa haki hizi.

Sehemu ya Tatu: Haki za wanafunzi na wazazi wa wasomi wa Lugha ya kingereza

1. Mwanafunzi ambaye ni musomi wa lugha ya Kiingereza ana haki ya:
 - a. Pokea elimu ya bure ya umma inayofaa bila kujali hali ya uhamiaji au lugha ya msingi ya mwanafunzi au mzazi au mlezi halali wa mwanafunzi;
 - b. Ufikiaji sawa wa programu na huduma zote zinazotolewa na shule au wilaya ya shule ambayo mwanafunzi amendikishwa kwa wanafunzi katika kiwango sawa cha daraja ambao sio wasomi wa lugha ya Kiingereza.
 - c. Pokea mafunzo kwa kiwango sawa cha daraja kama wanafunzi wengine ambao wana umri sawa na mwanafunzi ambaye ni msomi wa lugha ya Kiingereza, isipokuwa kama shule au wilaya ambayo mwanafunzi ameandikishwa itaamua inafaa kwa mwanafunzi ambaye ni msomi wa lugha ya Kiingereza kuwekwa katika kiwango tofauti cha daraja;
 - d. Ufikiaji sawa wa kushiriki katika shughuli kielimu za ziada ;
 - e. Pokea huduma na misaada inaofaa ya kitaaluma iliyotolewa na shule au wilaya ya shule kwa wanafunzi waliojiunga na shule au wilaya ya shule ambao sio wasomi wa lugha ya Kiingereza;
 - f. Kupewa mtihani kila mwaka ili kujua maendeleo ya mwanafunzi katika kujifunza lugha ya Kiingereza na kupata habari juu ya utendaji wa masomo ya mwanafunzi, pamoja na, bila kikomo, matokeo ya mtihani uliofanyika kulingana na NRS 390.105; na
 - g. Kuendelea kuwekwa katika programu ya wasomi wa lugha ya Kiingereza kwa muda mrefu kama mwanafunzi amesainishwa kama msomi wa lugha ya Kiingereza isipokuwa mzazi au mlezi halali wa mwanafunzi atakataa mwanafunzi kuwekwa katika mpango wa wasomi wa lugha ya Kiingereza.
2. Mzazi au mlezi halali wa mwanafunzi ambaye ni msomi wa lugha ya Kiingereza ana haki ya:
 - a. Kusajili/ kuandikisha mtoto wake katika shule ya umma bila kufichua hali ya uhamiaji ya mwanafunzi au mzazi au mlezi wa kisheria ;
 - b. Kwa kadri iwezekanavyo, kuwa na mtafusili aliyehitimu mwenye kuongea katika lugha ya msingi ya mzazi au mlezi wa kisheria wakati mzazi au mlezi wa kisheria ana mazungumuzo ya muhimu sana pamoja na wilaya ya shule;
 - c. Kwa kadri iwezekanavyo, pokea taarifa iliyoandikwa kwa lugha ya Kiingereza na lugha ya msingi ya mzazi au mlezi wa kisheria kwamba mwanafunzi amabaye ametambuliwa kama msomi wa lugha ya Kiingereza na atawekwa katika programu ya wasomi wa lugha ya Kiingereza;
 - d. Pokea habari juu ya maendeleo ya mwanafunzi katika kujifunza lugha ya Kiingereza na, ikiwa mwanafunzi ameandikishwa katika programu ya elimu ya lugha

- mbili, maendeleo ya mwanafunzi katika kujifunza lugha za programu hiyo;
- e. Kwa ombi la mzazi au mlezi halali, onana na wafanyakazi wa shule ambayo mwanafunzi ameandikishwa angalau mara moja kwa mwaka, pamoja na mikutano mingine yoyote inayohitajika, kujadili maendeleo ya mwanafunzi katika kujifunza lugha ya Kiingereza;
 - f. Hamisha mwanafunzi kwenda shule nyingine ndani ya wilaya ya shule ikiwa shule ambayo mwanafunzi ameandikishwa kwa sasa haitoi programu ya Wasomi wa lugha ya Kiingereza au imewekwa kwenye mpango wa utekelezaji kulingana na sheria NRS 388.408;
 - g. Pokea habari inayohusiana na mtihami yoyote ya mwanafunzi kulingana na aya (f) ya kifungu cha 1; na
 - h. Wasiliana na Idara au wilaya ya shule, kama ifaavyo, ikiwa shule au wilaya ambayo mwanafunzi ameandikishwa anakiuka masharti ya sehemu hii.
3. Pamoja na vifungu vya aya (b) na (c) ya kifungu cha 2, bodi ya wadhamini ya kila wilaya ya shule itatoa habari kwa mzazi au mlezi halali wa mwanafunzi ambaye ni msomi wa lugha ya Kiingereza katika lugha na muundo ambao mzazi au mlezi wa kisheria anaweza kuelewa.
4. Kwa kadri iwezekanavyo, bodi ya wadhamini ya kila wilaya ya shule, kwa maandishi na kwa Kiingereza na lugha ya msingi ya mzazi au mlezi halali wa mwanafunzi ambaye ni Msomi wa Lugha ya Kiingereza, itamwarifu mzazi au mlezi wa kisheria haki zilizoelezwa katika sehemu hii wakati wa kwandikisha mwanafunzi katika shule ndani ya wilaya ya shule au wakati mwanafunzi anatambuliwa kama Msomi wa Lugha ya Kiingereza. Wilaya ya shule itatoa nakala ya haki zilizoelezwa katika sehemu hii wakati wa usajili/ kwandikisha kwa kila mwaka wa mwanafunzi katika shule ndani ya wilaya ya shule kwa mzazi au mlezi halali wa mwanafunzi ambaye ni msomi wa lugha ya Kiingereza.
5. Idara itatoa nakala zilizotafsiriwa za haki zilizoelezwa katika kifungu hiki katika lugha tano zinazojulikana zaidi ya Kiingereza inayozungumzwa kimsingi katika kaya/ familia zilizo katika kila wilaya ya shule, ambazo zinaweza kujumuisha, bila kikomo, Kihispania na Tagalog. Bodi ya wadhamini ya kila wilaya ya shule na kila shule inayosajili wanafunzi ambao ni wasomi walugha ya Kiingereza itachapisha nakala ya haki zilizoelezwa katika sehemu hii kwenye wavuti zao za mtandao kwa lugha nyingi iwezekanavyo, ambazo zinaweza kujumuisha, bila kikomo, na kama zinazotumika kwa wilaya ya shule, lugha zilizotafsiriwa na Idara kulingana na kifungu hiki.

Projeto de lei 195 da Assembleia: visão geral

O projeto de lei 195 (PL 195) revisa as disposições relacionadas aos alunos que estão aprendendo inglês. Aprovado pelo governador Steve Sisolak em 2 de junho de 2021, o PL 195 amplia os direitos dos alunos aprendizes de inglês e os direitos dos pais. A seção três do projeto de lei incluída abaixo traz uma visão geral desses direitos.

Seção Três: Direitos dos pais e do aluno aprendiz de inglês

1. Um aluno que esteja aprendendo inglês tem o direito de:
 - a. Receber educação pública gratuita e adequada, independentemente da situação migratória ou do idioma principal do aluno, dos pais ou do responsável legal do aluno;
 - b. Acesso igualitário a todos os programas e serviços oferecidos aos alunos da mesma série que não são alunos de inglês pela escola ou distrito escolar no qual o aluno está matriculado;
 - c. Receber instrução no mesmo nível de série que os outros alunos com idade semelhante à do aluno que está aprendendo inglês, a menos que a escola ou o distrito escolar no qual o aluno está matriculado determine que é apropriado que o aluno que está aprendendo inglês seja colocado em uma série diferente;
 - d. Acesso igualitário para participar de atividades extracurriculares;
 - e. Receber serviços apropriados de apoio acadêmico fornecidos pela escola ou pelo distrito escolar aos alunos matriculados na escola ou no distrito escolar que não sejam alunos de inglês;
 - f. Ser avaliado a cada ano para determinar o progresso do aluno no aprendizado do idioma inglês e para obter informações sobre o desempenho acadêmico do aluno, incluindo, entre outros, os resultados de um exame administrado de acordo com a NRS 390.105; e
 - g. Ser continuamente colocado em um programa para alunos de inglês enquanto o aluno for classificado como aluno de inglês, a menos que os pais ou responsável legal do aluno recusem que o aluno seja colocado em um programa para alunos de inglês.
2. Os pais ou responsável legal de um aluno que esteja aprendendo inglês têm o direito de:
 - a. Matricular seu filho em uma escola pública sem revelar o status migratório do aluno, dos pais ou do responsável legal;
 - b. Na medida do possível, ter um intérprete qualificado no idioma principal dos pais ou do responsável legal com os pais ou o responsável legal durante interações significativas com o distrito escolar;
 - c. Na medida do possível, receber uma notificação por escrito, tanto em inglês quanto no idioma principal dos pais ou do responsável legal, de que o aluno foi identificado como aluno de inglês e será colocado em um programa para alunos de inglês;
 - d. Receber informações sobre o progresso do aluno no aprendizado do idioma inglês e, se o aluno estiver matriculado em um programa de educação bilíngue, o progresso do aluno no aprendizado dos idiomas desse programa;
 - e. A pedido dos pais ou do responsável legal, reunir-se pelo menos uma vez por ano com a equipe da escola na qual o aluno está matriculado, além de quaisquer outras

reuniões necessárias, para discutir o progresso geral do aluno no aprendizado do idioma inglês;

f. Transferir o aluno para outra escola do distrito escolar se a escola na qual o aluno está matriculado atualmente não oferecer um programa para alunos de inglês ou tiver sido colocada em um plano de ação corretiva de acordo com a NRS 388.408;

g. Receber informações relacionadas a quaisquer avaliações do aluno de acordo com o parágrafo (f) da subseção 1; e

h. Entrar em contato com o Departamento ou com o distrito escolar, conforme aplicável, se a escola ou o distrito escolar no qual o aluno está matriculado violar as disposições desta seção.

3. Não obstante as disposições dos parágrafos (b) e (c) da subseção 2, o conselho de administração de cada distrito escolar deverá fornecer informações aos pais ou ao responsável legal de um aluno que esteja aprendendo inglês em um idioma e formato que os pais ou o responsável legal possam entender.

4. Na medida do possível, o conselho de administração de cada distrito escolar deverá, por escrito e em inglês e no idioma principal dos pais ou do responsável legal de um aluno que esteja aprendendo inglês, informar os pais ou o responsável legal sobre os direitos descritos nesta seção no momento da matrícula do aluno em uma escola do distrito escolar ou no momento em que o aluno for identificado como aluno de inglês. O distrito escolar deverá fornecer, para os pais ou responsável legal de um aluno que esteja aprendendo inglês, uma cópia dos direitos descritos nesta seção na matrícula anual de um aluno em uma escola do distrito escolar.

5. O Departamento deverá fornecer cópias traduzidas dos direitos descritos nesta seção nos cinco idiomas mais comuns, além do inglês, falados principalmente nas residências de cada distrito escolar, o que pode incluir, entre outros, espanhol e tagalo. A diretoria de cada distrito escolar e de cada escola que matricular alunos que estejam aprendendo inglês deverá publicar uma cópia dos direitos descritos nesta seção em seus respectivos sites na internet no maior número possível de idiomas, o que pode incluir, entre outros, e conforme aplicável ao distrito escolar, os idiomas traduzidos pelo Departamento de acordo com esta subseção.

Itegeko 195: Incamake

Itegeko 195 (AB 195) ivugurura ingingo zijyanye nabanyeshuri biga icyongereza. Byemejwe na Guverineri Steve Sisolak ku ya 2 Kamena/ ukwagatandatu 2021, AB 195 yongerera uburenganzira abanyeshuri biga icyongereza n'uburenganzira bw'ababyeyi. Igice cya gatatu cy'itegeko gikubiyemo hepfo hano gitanga incamake y'uburenganzira.

Igice cya gatatu: Uburenganzira bwa Abanyeshuri Biga Icyongereza na Ababyeyi Babo

1. Umunyeshuri wiga icyongereza afite uburenganzira bwo:
 - a. Kwakira uburezi bwishuri bukwiye bwa leta utitaye kumiterere y'abinjira mugihugu cyangwa ururimi rwibanze rwumunyeshuri cyangwa umubyeyi cyangwa umurezi wemewe mumatego w'umunyeshuri;
 - b. Ubudyo bungana bwa gahunda zose hamwe na serivise zitangwa kubanyeshuri bo murwego rumwe rw'icyiciro/clase batiga icyongereza mwishuri cyangwa akarere k'ishuri umunyeshuri yiyandikishijemo;
 - c. Kwakira inyigisho kurwego rumwe rw'icyiciro/clase nabandi banyeshuri bafite imyaka ingana numunyeshuri wiga icyongereza, keretse niba ishuri cyangwa akarere k'ishuri umunyeshuri yiyandikishijeho bigena ko bikwire ko umunyeshuri wiga icyongereza akwiriye gushyirwa murwego rw'icyiciro rutandukanye;
 - d. Uburenganzira bungana bwo kwitabira amsomo adasazwe;
 - e. Kwakira serivise zikwiriye zingoboka zamasomo zitangwa nishuri cyangwa akarere k'ishuri kubanyeshuri biyandikishije mwishuri cyangwa akarere k'ishuri batiga icyongereza;
 - f. Isuzumabumenyi buri mwaka kugirango umenye iterambere ry'umunyeshuri mu kwiga ururimi rwicyongereza no kubona amakuru ajyanye n'imikorere y'umunyeshuri, harimo, nta mbogamizi, ibisubizo by'ikizamini cyakozwe hakurikijwe NRS 390.105; hamwe no,
 - g. Gukomeza gushirwa muri gahunda y'abiga icyongereza mugihe cyose umunyeshuri amenyekana ko ari mucyiciro cya biga icyongereza keretse umubyeyi cyangwa umurezi wemewe namategoko w'umunyeshuri yanze ko umunyeshuri ashirwa muri gahunda y'abiga icyongereza.
2. Umubyeyi cyangwa umurezi wemewe namategoko wumunyeshuri wiga icyongereza afite uburenganzira:
 - a. Yandikishe umwana we mu ishuri rya Leta atagaragaje uko imiterere yubwimukira mugihugu bw'umunyeshuri buhagaze cyangwa umubyeyi cyangwa umurezi wemewe n'amategoko;
 - b. Muburyo bushoboka, gira umusemuzi wujuje ibyangombwa mururimi rwibanze rwumubyeyi cyangwa umurezi wemewe numubyeyi cyangwa umurezi wemewe mugihe cyimikoranire ikomeye nakarere ki shuri;
 - c. Muburyo bushoboka, wakire inyandiko yanditse mundimi zombi mucyongereza ndetse nururimi rwibanze rwababyeyi cyangwa umurezi wemewe w'umunyeshuri wamenyekanye nkuwiga icyongereza kandi azashyirwa muri gahunda y'abiga icyongereza;
 - d. Kwakira amakuru ajyanye niterambere ryumunyeshuri mukwiga icyongereza kandi, niba umunyeshuri yiyandikishije muri gahunda yo kwigisha indimi ebyiri,

iterambere ryumunyeshuri mukwiga indimi ziye gahunda;

e. Bisabwwe n'umubyeyi cyangwa umurezi wemewe n'amategeko, kugira inama n'abakozi b'ishuri umunyeshuri yandikishijwemo nibura rimwe mu mwaka, wongereye kuzindi nama zose zisabwwe, kugira ngo muganire ku iterambere rusange ry'umunyeshuri mu kwiga ururimi rw'icyongereza;

f. Kwimurira umunyeshuri mu rindi shuri riri mu karere k'ishuri niba ishuri umunyeshuri yandikishijwemo ubu ridatanga gahunda kubanyeshuri biga icyongereza cyangwa ryashyizwe kuri gahunda y'ibikorwa bikosora hakurikijwe NRS 388.408;

g. Kwakira amakuru ajyanye n'isuzuma iryo ari ryo ryose ry'umunyeshuri ukurikije igika (f) cy'agace ka 1; na

h. Menyesha Ishami cyangwa Akarere k'ishuri, nkuko bishoboka, niba ishuri cyangwa akarere k'ishuri umunyeshuri yandikishijwemo gasuzugura ku biteganijwe muri iki gice.

3. Hatirengagijwe ibivugwa mu bika (b) na (c) by'ingingo ya 2, agakiko kinama yubuyobozi muri buri karere k'ishuri kazaha amakuru umubyeyi cyangwa umurezi wemewe n'amategeko w'umunyeshuri wiga icyongereza mu rurimi n'imiterere yo umubyeyi cyangwa umurezi wemewe arashobora kugumva.

4. Ku buryo bushoboka, agakiko kinama yubuyobozi muri buri karere k'ishuri kagomba, mu nyadiko zo mu cyongereza ndetse no mu rurimi rw'ibanze rw'umubyeyi cyangwa umurezi wemewe n'amategeko w'umunyeshuri wiga icyongereza, kumenyesha umubyeyi cyangwa umurezi wemewe namategeko uburenganzira bwashobanuwe muri iki gice mugihe cyo kwandikisha umunyeshuri mwishuri riri mukarere ki shuri cyangwa mugihe umunyeshuri yamenyekanye nkuwiga icyongereza. Akarere k'ishuri kazatanga kopi yuburenganzira bwashobanuwe muri iki gice mugihe cyo kwandikisha umunyeshuri buri mwaka mwishuri riri mukarere ki shuri kumubyeyi cyangwa umurezi wemewe n'amategeko wumunyeshuri wiga icyongereza.

5. Ishami rizatanga kopi zahinduwe muzindi ndimi z'uburenganzira bwashobanuwe muri iki gice mu ndimi eshanu zikunze kugaragara uretse icyongereza zivugwa cyane mu ngo muri buri karere k'ishuri, zishobora kuba zirimo, nta mbibi, icyesipanyoli, igiswahili n'igitagalo. Agakiko kinama yubuyobozi ka buri karere k'ishuri na buri shuri ryandikisha abanyeshuri biga icyongereza bagomba gushyira kopi yuburenganzira bwashobanuwe muri iki gice kurubuga rwabo rwa interineti mu ndimi nyinshi zishoboka, zishobora kubamo, nta mbibi, kandi uko bishoboka mukarere k'ishuri, indimi zahinduwe nishami ukurikije iki gice.

Nevada Revised Statutes 388.406: Resumen

Nevada Revised Statutes 388.406 revisadas relativas a la ampliación de los derechos de los alumnos que aprenden inglés y de los derechos de los padres.

Alumno Aprendiziente del idioma Inglés y Derechos de los Padres

1. Un alumno aprendiziente del idioma tiene el derecho a:
 - a. Recibir una educación pública gratuita y apropiada sin importar su estado migratorio o el idioma natal del alumno o de los padres o tutores del alumno;
 - b. Tener acceso equitativo a todos los programas y servicios ofrecidos a los alumnos del mismo nivel de grado que no son aprendizientes del idioma inglés por la escuela o el distrito escolar en el que está inscrito el alumno;
 - c. Recibir instrucción en el mismo nivel de grado que otros alumnos que tienen una edad similar a la del alumno que es aprendiziente de inglés, a no ser que la escuela o distrito escolar en el que está inscrito el alumno determine que es apropiado que al alumno aprendiziente de inglés sea ubicado en un nivel de grado diferente;
 - d. Acceso equitativo para participar en actividades extracurriculares;
 - e. Recibir los servicios apropiados de apoyo académico proporcionados por la escuela o el distrito escolar a los alumnos inscritos en la escuela o el distrito escolar que no sean aprendizientes de inglés;
 - f. Ser evaluado cada año para determinar el progreso del alumno en el aprendizaje del idioma inglés y para obtener información sobre el desempeño académico del alumno, incluyendo, sin limitación, los resultados de un examen administrado de acuerdo con NRS 390.105; y
 - g. Ser ubicado continuamente en un programa para aprendizientes de inglés durante todo el tiempo que el alumno esté clasificado como aprendiziente de inglés, a menos que los padres o tutores del alumno rechacen que el alumno sea ubicado en un programa para aprendizientes de inglés.
2. Los padres o tutores de un alumno que es aprendiziente de inglés tiene el derecho a:
 - a. Inscribir a su hijo en una escuela pública sin revelar el estado migratorio del alumno o
 - b. En la medida de lo posible, tener un intérprete calificado en el idioma natal de los padres o tutores con los padres o tutores durante las interacciones importantes con el distrito escolar;
 - c. En la medida de lo posible, recibir avisos por escrito tanto en inglés como en el idioma natal de los padres o tutores, de que el alumno ha sido identificado como un aprendiziente de inglés y será ubicado en un programa para aprendizientes de inglés;
 - d. Recibir información sobre el progreso del alumno en el aprendizaje del idioma inglés y, si el alumno está inscrito en un programa de educación bilingüe, el progreso del alumno en el aprendizaje de los idiomas de ese programa,
 - e. Según los soliciten los padres o tutores, reunirse con el personal de la escuela en la que está inscrito el alumno al menos una vez al año, además de cualquier otra reunión requerida, para hablar del progreso general del alumno en el aprendizaje del idioma inglés;
 - f. Trasladar al alumno a otra escuela dentro del distrito escolar si la escuela en la que el alumno está actualmente inscrito no ofrece un programa para aprendizientes de inglés, o si se le ha ubicado en un plan de acción correctiva de acuerdo con NRS 388.408;

- g. Recibir información relacionada con cualquier evaluación del alumno de acuerdo al párrafo (f) de la subsección 1; y
- h. Comunicarse con el Departamento o el distrito escolar, cuando sea necesario, si la escuela o distrito escolar en la que está inscrito el alumno infringe las disposiciones de esta sección.

3. Sin perjuicio de las disposiciones de los párrafos (b) y (c) de la subsección 2, el consejo directivo de cada distrito escolar deberá proporcionar información a los padres o tutores de un alumno que sea aprendiente de inglés en un idioma y formato que los padres o tutores puedan entender.

4. En la medida de lo posible, el consejo directivo de cada distrito escolar deberá, por escrito y tanto en inglés como en el idioma natal de los padres o tutores del alumno que es un aprendiente de inglés, informar a los padres o tutores de los derechos descritos en esta sección en el momento de la inscripción del alumno en una escuela dentro del distrito escolar o en el momento que el alumno es identificado como un aprendiente de inglés. El distrito escolar proporcionará una copia de los derechos descritos en esta sección en la inscripción anual de un alumno en una escuela dentro del distrito escolar a los padres o tutores de un alumno que es un estudiante de inglés.

5. El departamento deberá proporcionar copias traducidas de los derechos descritos en esta sección en los cinco idiomas más comunes distintos del inglés que se hablan principalmente en los hogares de cada distrito escolar, los cuales pueden incluir, sin limitación, el español y el tagalo. El consejo directivo de cada distrito escolar y cada escuela que inscriba alumnos que sean aprendientes de inglés publicará una copia de los derechos descritos en esta sección en sus respectivos sitios web de internet en tantos idiomas como sea posible, los cuales pueden incluir, sin limitación, y según corresponda a el distrito escolar, los idiomas traducidos por el departamento de acuerdo con esta subsección.

第 195 號議會法案：概述

第 195 號議會法案(AB 195)修訂了有關英語學習者學生的規定。AB 195 由州長 Steve Sisolak 於 2021 年 6 月 2 日批准，擴大了英語學習者學生的權利和家長的權利。下文所載該法案第三節概述了這些權利。

第三節：英語學習者學生和家長的權利

1. 英語學習者學生有權：
 - a. 接受免費的適當公共教育，無論學生或學生家長或法定監護人的移民身份或主要語言如何；
 - b. 平等地獲得學生所在學校或學區為同年級非英語學習者學生提供的所有課程和服務；
 - c. 與其他年齡與該英語學習者相仿的學生在同一年級接受教育，除非該學生所在的學校或學區認為將該英語學習者安排在不同年級是合適的；
 - d. 參加課外活動的平等機會；
 - e. 接受學校或學區為非英語學習者的在校學生提供的適當學業支援服務；
 - f. 每年進行一次評估，以確定學生在學習英語方面的進展情況，並獲得有關學生學習成績的資訊，包括但不限於，根據 NRS 390.105 舉行的考試的結果；以及
 - g. 除非學生家長或法定監護人拒絕將學生安置在英語學習者課程中，否則只要該學生被歸類為英語學習者，就會一直被安置在英語學習者課程中。
2. 英語學習者學生家長或法定監護人有權：
 - a. 在不透露學生或家長或法定監護人移民身份的情況下，為其子女在公立學校註冊；
 - b. 在可行的情況下，在家長或法定監護人與校區進行重要交流時，為其配備一名合格的、能說其主要語言的口譯員；
 - c. 在可行的情況下，收到用英語和家長或法定監護人的主要語言寫成的書面通知，說明該學生已被確定為英語學習者，並將被安置在為英語學習者開設的課程中；
 - d. 了解語言和格學生在學習英語方面的進展情況，如果學生參加的是雙語教育課程，則了解學生在學習該課程語言方面的進展情況；
 - e. 應學生家長或法定監護人的要求，每年至少與學生就讀學校的教職員工舉行一次會議，討論學生在學習英語方面的總體進展情況；
 - f. 如果學生現時就讀的學校不提供針對英語學習者的課程，或根據 NRS 388.408 被列入糾正行動計畫，則將學生轉到學區內的另一所學校；
 - g. 根據第 1 分節(f)款的規定，接收與對學生的任何評估有關的資訊；以及
 - h. 如果學生就讀的學校或校區違反本節規定，請聯絡教育署或校區(如適用)。
3. 儘管有第 2 分節(b)和(c)款的規定，各學區董事會仍應以英語學習者家長或法定監護人能夠理解的語言和格式向其提供資訊。
4. 在可行的情況下，各學區董事會應在學生註冊入學時或在學生被認定為英語學習者時，以書面形式並用英語及學生家長或法定監護人的主要語言將本節所述權利告知學生家長或法定監護人。學區應在學區內學校的學生年度註冊時，向英語學習者的家長或法定監護人提供本節所述權利的副本。
5. 教育署應以每個學區內家庭主要使用的除英語以外的五種最常見語言提供本節所述權利的譯文，其中可包括但不限於西班牙語和他加祿語。每個校區的董事會和每所招收英語學習者學生的學校應在其各自的網絡網站上以盡可能多的語言張貼本節所述權利之副本，其中可包括但不限於，由教育署根據本分節翻譯的語言(如適用於該校區)。

Assembly Bill 195: አጠቃላይ እይታ

የሱብሰባ ሕግ 195 (AB 195) የእንግሊዘኛ ተማሪ ከሆኑ ተማሪዎች ጋር የሚዛመዱ ድንጋጌዎችን ይከልሳል። Governor Steve Sisolak ሰኔ 2, 2021 የፀደቀ፣ AB 195 የእንግሊዘኛ ተማሪ ተማሪዎችን እና የወላጅ መብቶችን ያራዝማል። ከዚህ በታች የተካተተው የሕጉ ክፍል ሦስት የእነዚህን መብቶች አጠቃላይ እይታ ይሰጣል።

ክፍል ሦስት : የእንግሊዘኛ ተማሪ እና የወላጅ መብቶች

1. እንግሊዘኛ ተማሪ የሆነ ተማሪ የሚከተሉትን የማድረግ መብት አለው :
 - a. የተማሪው የስደተኛ ሁኔታ ወይም የመጀመሪያ ቋንቋ ወይም የተማሪው ወላጅ ወይም ህጋዊ ሞገዚት ምንም ይሁን ምን ነፃ ተገቢ የህዝብ ትምህርት መቀበል;
 - b. ተማሪው በተመዘገበበት ትምህርት ቤት ወይም የትምህርት ቤት ዲስትሪክት የእንግሊዘኛ ተማሪዎች ላልሆኑ ተማሪዎች በተመሳሳይ ክፍል ውስጥ ላሉ ተማሪዎች የሚሰጠውን ሁሉንም ፕሮግራሞች እና አገልግሎቶች በእኩልነት ማግኘት፤
 - c. ተማሪው የተመዘገበበት ትምህርት ቤት ወይም የትምህርት ቤት ዲስትሪክት የእንግሊዘኛ ተማሪ በሆነው የተለየ የክፍል ደረጃ መመደቡ ተገቢ ነው ብሎ እስካልወሰነ ድረስ፣ የእንግሊዘኛ ተማሪ ከሆነው ዕድሜ ጋር ተመሳሳይ ዕድሜ ካላቸው ሌሎች ተማሪዎች ጋር በተመሳሳይ የትምህርት ደረጃ ይቀበላል ;
 - d. ከመደበኛ ትምህርት ውጭ እንቅስቃሴዎች ውስጥ ለመሳተፍ እኩል ተደራሽነት;
 - e. በትምህርት ቤቱ ወይም በትምህርት ቤቱ ዲስትሪክት ለእንግሊዘኛ ተማሪዎች ላልሆኑ ተማሪዎች ለትምህርት ድጋፍ ተገቢ አገልግሎቶችን ማግኘት;
 - f. በ NRS 390.105 መሠረት የተደረገው የፈተና ውጤት ያለ ገደብ የእንግሊዘኛ ቋንቋን በመማር የተማሪውን እድገት ለማወቅ እና ስለ ተማሪው የአካዳሚክ አፈፃፀም መረጃ ለማግኘት በየዓመቱ ይገመገማል ; እናም
 - g. የተማሪው ወላጅ ወይም ሕጋዊ አሳዳጊ ተማሪው በእንግሊዘኛ ተማሪዎች ፕሮግራም ውስጥ እንዲቀመጥ እስካልተቀበለ ድረስ ተማሪው በእንግሊዘኛ ተማሪነት እስከተመደበ ድረስ በእንግሊዘኛ ተማሪዎች ፕሮግራም ውስጥ በአህጉር እንዲቀመጥ ያደርጋሉ።
2. የእንግሊዘኛ ተማሪ የሆነ ተማሪ ወላጅ ወይም ሕጋዊ አሳዳጊ የሚከተሉትን የማድረግ መብት አለው:
 - a. የተማሪውን ወይም የወላጁን ወይም የሕግ አሳዳጊውን የኢሚግሬሽን ሁኔታ ሳይገልጽ ልጁን በሕዝብ ትምህርት ቤት ማስመዝገብ ;
 - b. እስከሚቻል ድረስ፣ ከትምህርት ቤቱ ዲስትሪክት ጋር ጉልህ በሆነ መስተጋብር ወቅት በወላጅ ወይም በሕጋዊ ሞገዚት የመጀመሪያ ቋንቋ ብቃት ያለው እስተርጓሚ ይኑርዎት;
 - c. እስከተቻለ ድረስ፣ ተማሪው የእንግሊዘኛ ቋንቋ ተማሪ መሆኑን ከታወቀ ፣ በወላጅ ወይም በሕግ አሳዳጊ በራሳቸው የመጀመሪያ ቋንቋ እና በእንግሊዘኛ ቋንቋ የጽሑፍ ማስታወቂያ ይቀበላሉ እናም ለእንግሊዘኛ ተማሪዎች የተዘጋጀ ፕሮግራም ውስጥ ይመደባል ;
 - d. ተማሪው የእንግሊዘኛ ቋንቋን በመማር ሂደት ውስጥ ስላለው እድገት መረጃ መቀበል እና ተማሪው በሁለት ቋንቋዎች ትምህርት መርሃ ግብር ውስጥ ከተመዘገበ, የዚያን ፕሮግራም ቋንቋዎች በመማር ረገድ የተማሪው እድገት;
 - e. በወላጅ ወይም በህጋዊ ሞገዚት ጥያቄ መሰረት፣ ተማሪው የተመዘገበበት ትምህርት ቤት ቢያንስ በዓመት አንድ ጊዜ ከሚያስፈልጉት ስብሰባዎች በተጨማሪ ተማሪው የእንግሊዘኛ ቋንቋን በመማር ላይ ስላለው አጠቃላይ እድገት መወያየት።
 - f. ተማሪው በአሁኑ ጊዜ የተመዘገበበት ትምህርት ቤት ለእንግሊዘኛ ተማሪዎች ፕሮግራም ካልሰጠ ወይም በNRS 388.408 መሠረት በማስተካከያ የድርጊት መርሃ ግብር ላይ ከተመደበ ተማሪውን በትምህርት ቤቱ ዲስትሪክት ውስጥ ወዳለው ሌላ ትምህርት ቤት ያስተላልፋ ;
 - g. በንዑስ ክፍል 1 አንቀጽ (f) መሠረት ከተማሪው ማንኛውም ግምገማዎች ጋር የተዛመደ መረጃን ያግኙ ; እናም
 - h. ተማሪው የተመዘገበበት ትምህርት ቤት ወይም ትምህርት ቤት ዲስትሪክት የዚህን ክፍል ድንጋጌዎች የሚጥስ ከሆነ እንደአስፈላጊነቱ ዲፓርትመንቱን ወይም የትምህርት ቤቱን ዲስትሪክት ያነጋግሩ።

3. የአንቀጽ (b) እና (c) ንዑስ ክፍል 2 ድንጋጌዎች ቢኖሩም፣ የእያንዳንዱ ትምህርት ቤት ዲስትሪክት የአስተዳደር ቦርድ የእንግሊዘኛ ተማሪ ለሆነ ተማሪ ወላጅ ወይም ሕጋዊ ሞግዚት በሚረዱበት ቋንቋ መረጃ ይሰጣል።
4. በተቻለ መጠን የእያንዳንዱ ትምህርት ቤት ዲስትሪክት የአስተዳደር ቦርድ በጽሑፍ እና በእንግሊዘኛ እና የእንግሊዘኛ ተማሪ የሆነ ወላጅ ወይም አሳዳጊ ዋና ቋንቋ የእንግሊዘኛ ተማሪ ወላጅ ወይም ሕጋዊ ሞግዚት የተገለጹትን መብቶች ለወላጅ ወይም ለሕጋዊ አሳዳጊ ማሳወቅ አለበት። በዚህ ክፍል ውስጥ ተማሪው በሚመዘገበበት ትምህርት ቤት ዲስትሪክቱ በሚገኝ ትምህርት ቤት ወይም ተማሪው የእንግሊዘኛ ተማሪ ተብሎ ይታወቃል። የትምህርት ቤቱ ዲስትሪክት በዚህ ክፍል ውስጥ የተገለጹትን የመብቶች ቅጂ በትምህርት ቤቱ ዲስትሪክት ውስጥ በሚገኝ ትምህርት ቤት ውስጥ የአንድ ተማሪ ዓመታዊ ምዝገባ ለእንግሊዘኛ ተማሪ ለሆነ ተማሪ ወላጅ ወይም ሕጋዊ ሞግዚት ይሰጣል።
5. መምሪያው በዚህ ክፍል ውስጥ የተገለጹትን የመብቶች ቅጂዎች በእያንዳንዱ ትምህርት ቤት ዲስትሪክት ውስጥ ከእንግሊዘኛ በስተቀር በአምስት በተለመደው ቋንቋ ፣ ያለ ገደብ፣ ስፓኒሽ እና ታጋሎግን ሊያካታት ይችላል። የእያንዳንዱ ትምህርት ቤት ዲስትሪክት የአስተዳደር ቦርድ እና የእንግሊዘኛ ተማሪ የሆኑ ተማሪዎችን የሚያስመዘግብ እያንዳንዱ ትምህርት ቤት በዚህ ክፍል የተገለጹትን መብቶች በተቻለ መጠን በብዙ ቋንቋዎች በየራሳቸው የበይነመረብ ድረጣቢያዎች ላይ መለጠፍ አለባቸው፣ እና እንደ በዚህ ንዑስ ክፍል መሠረት በዲፓርትመንቱ የተተረጎሙ ለትምህርት ቤቱ ዲስትሪክት ተፈጻሚ ይሆናል።

Nevada Revised Statutes 388.406 Overview

Nevada Revised Statutes 388.406 revised provisions relating to extending the rights of English learner pupils and parental rights.

English Learner Pupil and Parental Rights

1. A pupil who is an English learner has the right to:
 - a. Receive a free appropriate public education regardless of the immigration status or primary language of the pupil or the parent or legal guardian of the pupil;
 - b. Equal access to all programming and services offered to pupils in the same grade level who are not English learners by the school or school district in which the pupil is enrolled;
 - c. Receive instruction at the same grade level as other pupils who are of a similar age as the pupil who is an English learner, unless the school or school district in which the pupil is enrolled determines it is appropriate for the pupil who is an English learner to be placed in a different grade level;
 - d. Equal access to participate in extracurricular activities;
 - e. Receive appropriate services for academic support provided by the school or school district to pupils enrolled in the school or school district who are not English learners;
 - f. Be evaluated each year to determine the progress of the pupil in learning the English language and to obtain information about the academic performance of the pupil, including, without limitation, the results of an examination administered pursuant to NRS 390.105; and
 - g. Be continuously placed in a program for English learners for as long as the pupil is classified as an English learner unless the parent or legal guardian of the pupil declines for the pupil to be placed in a program for English learners.
2. The parent or legal guardian of a pupil who is an English learner has the right to:
 - a. Enroll his or her child in a public school without disclosing the immigration status of the pupil or the parent or legal guardian;
 - b. To the extent practicable, have a qualified interpreter in the primary language of the parent or legal guardian with the parent or legal guardian during significant interactions with the school district;
 - c. To the extent practicable, receive written notice in both English and the primary language of the parent or legal guardian that the pupil has been identified as an English learner and will be placed in a program for English learners;
 - d. Receive information about the progress of the pupil in learning the English language and, if the pupil is enrolled in a program of bilingual education, the progress of the pupil in learning the languages of that program;
 - e. At the request of the parent or legal guardian, meet with staff of the school in which the pupil is enrolled at least once a year, in addition to any other required meetings, to discuss the overall progress of the pupil in learning the English language;
 - f. Transfer the pupil to another school within the school district if the school in which the pupil is currently enrolled does not offer a program for English learners or has been placed on a corrective action plan pursuant to NRS 388.408;
 - g. Receive information related to any evaluations of the pupil pursuant to paragraph (f) of subsection 1; and

- h. Contact the Department or the school district, as applicable, if the school or school district in which the pupil is enrolled violates the provisions of this section.
- 3. Notwithstanding the provisions of paragraphs (b) and (c) of subsection 2, the board of trustees of each school district shall provide information to the parent or legal guardian of a pupil who is an English learner in a language and format that the parent or legal guardian can understand.
- 4. To the extent practicable, the board of trustees of each school district shall, in writing and in both English and the primary language of the parent or legal guardian of a pupil who is an English learner, inform the parent or legal guardian of the rights described in this section at the time of the registration of the pupil in a school within the school district or at the time the pupil is identified as an English learner. The school district shall provide a copy of the rights described in this section at the annual registration of a pupil in a school within the school district to the parent or legal guardian of a pupil who is an English learner.
- 5. The Department shall provide translated copies of the rights described in this section in the five most common languages other than English primarily spoken in the households within each school district, which may include, without limitation, Spanish and Tagalog. The board of trustees of each school district and each school that enrolls pupils who are English learners shall post a copy of the rights described in this section on their respective Internet websites in as many languages as possible, which may include, without limitation, and as applicable for the school district, the languages translated by the Department pursuant to this subsection.

لایحه 195 مجلس: بررسی اجمالی

لایحه مجلس 195 (AB 195) مقررات مربوط به دانش آموزانی که زبان آموزان انگلیسی هستند را بازبینی می کند. لایحه 195 AB که توسط فرماندار Steve Sisolak در تاریخ 2 ژوئن 2021 تأیید شده است، حقوق زبان آموزان انگلیسی و حقوق والدین را گسترش می دهد. بخش سوم این لایحه که در زیر آمده است، یک مرور کلی از این حقوق را ارائه می دهد.

بخش سوم: حقوق دانش آموز زبان انگلیسی و والدین

1. دانش آموزی که زبان انگلیسی می آموزد حق دارد که:
 - a. بدون توجه به وضعیت مهاجرت یا زبان اصلی دانش آموز یا والدین یا قیم قانونی دانش آموز، آموزش عمومی مناسب و رایگان دریافت کند.
 - b. دسترسی برابر به تمام برنامه ها و خدمات ارائه شده به دانش آموزان هم پایه کلاس که زبان آموزان انگلیسی نیستند توسط مدرسه یا مدرسه منطقه ای که دانش آموز در آن ثبت نام کرده است.
 - c. دریافت آموزش در سطح کلاس مشابه همانند دانش آموزان دیگر که دارای سن مشابه به عنوان دانش آموز و یادگیرنده زبان انگلیسی باشد، مگر اینکه توسط مدرسه یا مدرسه منطقه ای که در آن دانش آموز ثبت نام شده است تعیین شود که دانش آموزی که به عنوان یک یادگیرنده زبان انگلیسی می باشد در سطوح کلاس های مختلف قرار داده شود؛
 - d. دسترسی برابر برای شرکت در فعالیت های فوق برنامه؛
 - e. دریافت خدمات مناسب برای حمایت تحصیلی ارائه شده توسط مدرسه یا مدرسه منطقه ای به دانش آموزان ثبت نام شده در مدرسه یا مدرسه منطقه ای که زبان آموزان انگلیسی نیستند؛
 - f. هر ساله جهت تعیین پیشرفت دانش آموز در یادگیری زبان انگلیسی و به دست آوردن اطلاعات در مورد عملکرد تحصیلی دانش آموز، از جمله، بدون محدودیت، نتایج آزمون به موجب مقرر NRS 390.105 ارزیابی می شود. و
 - g. تا مادامی که دانش آموز به عنوان یک زبان آموز انگلیسی طبقه بندی می شود به طور مداوم در یکی از برنامه های یادگیری زبان انگلیسی قرار داده شود مگر اینکه والدین یا قیم قانونی دانش آموز از قرار گرفتن دانش آموز در برنامه ای برای زبان آموزان انگلیسی امتناع کنند.

2. والدین یا قیم قانونی دانش آموزی که زبان انگلیسی می آموزد حق دارد که:
 - a. فرزند خود را در یک مدرسه دولتی بدون افشای وضعیت مهاجرت دانش آموز یا والدین یا قیم قانونی ثبت نام کند؛
 - b. تا حد ممکن، در طول تعاملات مهم با مدرسه منطقه ای یک مترجم واجد شرایط و مسلط به زبان اصلی والدین یا قیم قانونی با والدین یا قیم قانونی به همراه داشته باشید.
 - c. تا حد ممکن، دریافت اطلاعات کتبی به هر دو زبان انگلیسی و زبان اصلی والدین یا قیم قانونی که در آن دانش آموز به عنوان یک یادگیرنده زبان انگلیسی شناسایی شده است و در یک برنامه برای زبان آموزان انگلیسی قرار می گیرد؛
 - d. دریافت اطلاعات در مورد پیشرفت دانش آموز در یادگیری زبان انگلیسی، و در صورتیکه دانش آموز در یک برنامه آموزشی دو زبانه ثبت نام کرده باشد، پیشرفت دانش آموز در یادگیری زبان های آن برنامه؛
 - e. بنا به درخواست والدین یا قیم قانونی، علاوه بر سایر جلسات مورد نیاز، با کارکنان مدرسه ای که دانش آموز در آن ثبت نام شده است، حداقل سالی یک بار ملاقات به منظور بحث در مورد پیشرفت کلی دانش آموز در یادگیری زبان انگلیسی.
 - f. اگر مدرسه ای که دانش آموز در حال حاضر در آن ثبت نام کرده است برنامه ای برای زبان آموزان انگلیسی ارائه نمی دهد یا مطابق با مقرر NRS 388.408 در برنامه اقدام اصلاحی قرار گرفته است، دانش آموز را به مدرسه دیگری در محدوده مدرسه منطقه ای منتقل کنید.
 - g. دریافت اطلاعات مربوط به هر گونه ارزشیابی دانش آموز طبق بند (F) از بخش 1؛ و
 - h. اگر مدرسه یا مدرسه منطقه ای که دانش آموز در آن ثبت نام کرده است، مفاد این بخش را نقض می کند، در صورت لزوم با اداره یا مدرسه منطقه ای تماس بگیرید.
3. علی رغم مفاد بندهای (b) و (c) بند فرعی 2، هیئت امنای هر مدرسه منطقه ای باید اطلاعات را به والدین و قیم قانونی زبان آموز انگلیسی طوری ارائه دهند که به والدین یا قیم قانونی دانش آموزی که زبان آموز انگلیسی است قابل فهم باشد.
4. تا حد ممکن، هیئت امنای هر مدرسه منطقه ای باید به صورت کتبی و به دو زبان انگلیسی و زبان اصلی والدین یا قیم قانونی دانش آموزی که زبان آموز انگلیسی است، والدین یا قیم قانونی را از حقوقی که در این بخش شرح داده شده در زمان ثبت نام دانش آموز در مدرسه ای که در محدوده مدرسه منطقه ای یا در زمانی که دانش آموز به عنوان یک زبان آموز انگلیسی شناسایی

شده مطلع کنند. مدرسه منطقه ای باید یک نسخه از حقوق شرح داده شده در این بخش را هنگام ثبت نام سالانه دانش آموز در مدرسه ای که در محدوده مدرسه منطقه ای قرار دارد به والدین یا قیم قانونی زبان آموز انگلیسی ارائه کند.

5. اداره باید نسخه های ترجمه شده حقوقی را که در این بخش توضیح داده شده است، به پنج زبان رایج به غیر از انگلیسی که عمدتاً در خانواده های هر مدرسه منطقه ای صحبت می شود، ارائه دهد، که ممکن است بدون محدودیت شامل اسپانیایی و تاگالوگ باشد. هیئت امنای هر مدرسه منطقه ای و هر مدرسه ای که دانش آموزانی را که زبان آموز انگلیسی هستند ثبت نام می کند، باید یک نسخه از حقوق شرح داده شده در این بخش را در وب سایت های اینترنتی مربوطه خود به هر تعداد زبان ممکن منتشر کنند، که ممکن است، بدون محدودیت، شامل زبان های ترجمه شده توسط اداره طبق این بند فرعی برای مدرسه منطقه ای قابل اجرا باشد.

의회 법안 **195**: 개요

의회 법안 **195(AB 195)**는 영어 학습자인 학생과 관련된 조항을 개정합니다. **2021년 6월 2일 Steve Sisolak** 주지사가 승인한 **AB 195**는 영어 학습자인 학생 및 부모의 권리를 확장하는 법안입니다. 아래에 소개된 이 법안의 섹션 **3**은 이러한 권리에 대한 개요를 기술합니다.

섹션 **3**: 영어 학습자 학생 및 부모의 권리

1. 영어 학습자인 학생에게는 다음과 같은 권리가 있습니다.
 - a. 학생 또는 학생의 부모나 법적 보호자의 이민 신분이나 모국어에 관계없이 적절한 공교육을 무료로 받을 수 있음.
 - b. 학생이 등록되어 있는 학교 또는 교육구에서 영어 학습자가 아닌 같은 학년 학생에게 제공되는 모든 프로그램 및 서비스를 동등하게 이용할 수 있음.
 - c. 학생이 재학 중인 학교 또는 교육구에서 영어 학습자인 학생을 다른 학년에 배치하는 것이 적절하다고 판단하지 않는 한, 영어 학습자인 학생은 비슷한 연령대의 다른 학생과 같은 학년 수준에서 교육을 받음.
 - d. 과외 활동에 참여할 수 있는 동등한 기회를 가짐.
 - e. 영어 학습자가 아닌, 학교 또는 교육구에 등록된 학생에게 학교 또는 교육구가 제공하는 학업 지원을 위한 적절한 서비스를 받음.
 - f. **NRS 390.105**에 따라 시행되는 시험의 결과 등 영어 학습에서의 학생 진도를 결정하고 학업 성취도에 대한 정보를 얻기 위해 매년 평가를 받음.
 - g. 학생의 부모 또는 법적 보호자가 학생의 영어 학습자 프로그램 배치를 거부하지 않고, 해당 학생이 영어 학습자로 분류되는 한, 영어 학습자를 위한 프로그램에 계속 배치됨.
2. 영어 학습자인 학생의 부모 또는 법적 보호자는 다음과 같은 권리를 가집니다.
 - a. 학생 또는 부모나 법적 보호자의 이민 신분을 공개하지 않고 자신의 자녀를 공립학교에 등록할 수 있음.
 - b. 실질적으로 가능한 정도에서, 교육구와의 중대한 상호작용 시 부모 또는 법적 보호자의 기본 언어자격을 갖춘 통역사의 통역을 받음.
 - c. 실질적으로 가능한 정도에서, 해당 학생이 영어 학습자로 확인되었으며 영어 학습자를 위한 프로그램에 배치될 것임을 영어 및 부모 또는 법적 보호자의 기본 언어로 서면 통지를 받음.
 - d. 학생이 이중 언어 교육 프로그램에 등록되어 있는 경우, 학생의 영어 학습 진도에 대한 정보와 해당 프로그램의 언어를 학습하는 학생의 진도에 대한 정보를 받음.
 - e. 부모 또는 법적 보호자의 요청이 있을 경우, 다른 필수 회의와 더불어 학생이 재학 중인 학교의 교직원과 1년에 한 번 이상 만나 학생의 전반적인 영어 학습 진행 상황에 대해 의논함.
 - f. 학생이 현재 재학 중인 학교가 영어 학습자를 위한 프로그램을 제공하지 않거나 그 학교가 **NRS 388.408**에 따른 시정 조치 계획을 받은 경우, 해당 학생을 교육구 내 다른 학교로 전학시킴.
 - g. 하위 섹션 1의 (f)항에 따라 학생의 평가에 관련되는 정보를 받음.
 - h. 학생이 재학 중인 학교 또는 교육구가 이 섹션의 규정을 위반하는 경우, 교육부 또는 해당될 경우 교육구에 문의.
3. 하위 섹션 2의 (b) 및 (c)항의 규정에도 불구하고, 각 교육구의 이사회는 영어 학습자인 학생의 학부모 또는 법적 보호자에게 학부모 또는 법적 보호자가 이해할 수 있는 언어와 형식으로 정보를 제공해야 합니다.
4. 실행 가능한 범위 내에서 각 교육구의 이사회가 영어 학습자인 학생의 부모 또는

법적 보호자의 모국어와 영어를 모두 사용하여 서면으로 해당 교육구 내 학교에 학생을 등록하거나 학생이 영어 학습자로 확인될 때, 이 섹션에 설명된 권리를 부모 또는 법적 보호자에게 통지해야 합니다. 해당 교육구는 교육구 내 학교에 학생을 매년 등록할 때 영어 학습자인 학생의 부모 또는 법적 보호자에게 이 섹션에 설명된 권리의 사본을 제공해야 합니다.

5. 교육부는 각 교육구 내 가정에서 주로 사용되는 영어 이외의 가장 일반적인 5개 언어(스페인어 및 타갈로그어 등)로 이 섹션에 설명된 권리의 번역본을 제공해야 합니다. 각 교육구의 이사회 및 영어 학습자인 학생을 등록하는 각 학교는 이 섹션에 설명된 권리의 사본을 가능한 한 많은 언어로 각 인터넷 웹사이트에 게시해야 하며, 해당 교육구에 해당하는 경우 교육부에서 이 하위 섹션에 따라 번역한 언어가 제한 없이 포함될 수 있습니다.

وثيقة **Assembly Bill 195**: نظرة عامة

مراجعة الأحكام المتعلقة بالتلاميذ الذين يتعلمون اللغة الإنجليزية . (Assembly Bill 195 (AB 195) يوسع حقوق متعلم اللغة الإنجليزية وحقوق الوالدين . يقدم AB 195 ، وافق عليه المحافظ Steve Sisolak بتاريخ ٢٠٢١/٠٦/٠٢ القسم الثالث من مشروع القانون الوارد أدناه لمحة عامة عن هذه الحقوق

القسم الثالث: تلميذ متعلم اللغة الإنجليزية وحقوق الوالدين

1. للطالب الذي يتعلم اللغة الإنجليزية الحق في:
 - a. الحصول على تعليم عام مناسب مجاني بغض النظر عن حالة الهجرة أو اللغة الأساسية للتلميذ أو الوالد أو الوصي القانوني للتلميذ ؛
 - b. المساواة في الوصول إلى جميع البرامج والخدمات المقدمة للتلاميذ في نفس الصف الدراسي الذين ليسوا متعلمين للغة الإنجليزية من قبل المدرسة أو المنطقة التعليمية التي التحق بها التلميذ ؛
 - c. تلقي تعليمات في نفس مستوى الصف مثل التلاميذ الآخرين الذين هم في نفس العمر مثل التلميذ الذي يتعلم اللغة الإنجليزية ، ما لم تحدد المدرسة أو المنطقة التعليمية التي التحق بها التلميذ أنه مناسب للتلميذ الذي يتعلم اللغة الإنجليزية يتم وضعها في مستوى تصنيف مختلف ؛
 - d. المساواة في الوصول إلى المشاركة في الأنشطة اللامنهجية ؛
 - e. تلقي الخدمات المناسبة للدعم الأكاديمي الذي تقدمه المدرسة أو المنطقة التعليمية للتلاميذ المسجلين في المدرسة أو المنطقة التعليمية ممن ليسوا متعلمين للغة الإنجليزية ؛
 - f. تقييم التلميذ كل عام لتحديد مدى تقدمه في تعلم اللغة الإنجليزية وللحصول على معلومات حول الأداء الأكاديمي للتلميذ ، بما في ذلك ، على سبيل المثال لا الحصر ، نتائج الامتحان الذي يتم إجراؤه وفقًا لـ NRS 390.105 ؛ و
 - g. يتم وضع التلميذ باستمرار في برنامج لمتعلمي اللغة الإنجليزية طالما أن التلميذ مصنف كمتعلم للغة الإنجليزية ما لم يرفض الوالد أو الوصي القانوني للتلميذ أن يتم وضع التلميذ في برنامج لمتعلمي اللغة الإنجليزية.
2. لولي أمر أو وصي التلميذ الذي هو متعلم للغة الإنجليزية الحق في:
 - a. تسجيل طفله في مدرسة عامة دون الكشف عن حالة الهجرة للتلميذ أو الوالد أو الوصي القانوني ؛
 - b. إلى الحد الممكن ، يجب أن يكون لديك مترجم مؤهل باللغة الأساسية للوالد أو الوصي القانوني مع الوالد أو الوصي القانوني أثناء التفاعلات الهامة مع منطقة المدرسة ؛
 - c. إلى الحد الممكن ، تلقي إخطارًا كتابيًا باللغتين الإنجليزية واللغة الأساسية للوالد أو الوصي القانوني بأن التلميذ قد تم تحديده على أنه متعلم للغة الإنجليزية وسيتم وضعه في برنامج لمتعلمي اللغة الإنجليزية ؛
 - d. تلقي معلومات حول تقدم التلميذ في تعلم اللغة الإنجليزية ، وإذا كان التلميذ مسجلًا في برنامج تعليم ثنائي اللغة ، تقدم التلميذ في تعلم لغات ذلك البرنامج ؛
 - e. بناء على طلب الوالد أو الوصي القانوني ، مقابلة موظفي المدرسة التي التحق بها التلميذ مرة واحدة على الأقل في السنة ، بالإضافة إلى أي اجتماعات أخرى مطلوبة ، لمناقشة التقدم العام للتلميذ في تعلم اللغة الإنجليزية ؛
 - f. نقل التلميذ إلى مدرسة أخرى داخل المنطقة التعليمية إذا كانت المدرسة التي يلتحق بها التلميذ حاليًا لا تقدم برنامجًا لمتعلمي اللغة الإنجليزية أو تم وضعها في خطة عمل تصحيحية وفقًا لـ NRS 388.408 ؛
 - g. تلقي المعلومات المتعلقة بأي تقييمات للتلميذ وفقًا للفقرة (f) من القسم الفرعي 1 ؛ و
 - h. اتصل بالإدارة أو المنطقة التعليمية ، حسب الاقتضاء ، إذا كانت المدرسة أو المنطقة التعليمية التي التحق بها التلميذ تنتهك أحكام هذا القسم.
3. بصرف النظر عن أحكام الفقرتين (b) و (c) من القسم الفرعي 2 ، يجب على مجلس أمناء كل منطقة تعليمية تقديم معلومات إلى الوالد أو الوصي القانوني للتلميذ الذي هو متعلم للغة الإنجليزية بلغة وصيغة الوالد أو يمكن أن يفهم الوصي القانوني.
4. إلى الحد الممكن عمليًا ، يجب على مجلس أمناء كل منطقة تعليمية ، كتابةً وباللغة الإنجليزية واللغة الأساسية للوالد أو الوصي القانوني للتلميذ الذي يتعلم اللغة الإنجليزية ، إبلاغ الوالد أو الوصي القانوني بالحقوق الموضحة في هذا القسم وقت تسجيل التلميذ في

مدرسة داخل منطقة المدرسة أو في الوقت الذي يتم فيه تحديد التلميذ على أنه متعلم اللغة الإنجليزية. يجب أن تقدم منطقة المدرسة نسخة من الحقوق الموضحة في هذا القسم في التسجيل السنوي للتلميذ في مدرسة داخل منطقة المدرسة إلى الوالد أو الوصي القانوني للتلميذ الذي يتعلم اللغة الإنجليزية.

5. يجب على الإدارة توفير نسخ مترجمة من الحقوق الموضحة في هذا القسم باللغات الخمس الأكثر شيوعًا بخلاف اللغة الإنجليزية التي يتم التحدث بها بشكل أساسي في المنازل داخل كل منطقة تعليمية ، والتي قد تشمل ، على سبيل المثال لا الحصر ، الإسبانية و التاغالوغية . يجب على مجلس أمناء كل منطقة تعليمية وكل مدرسة تسجيل الطلاب الذين يتعلمون اللغة الإنجليزية نشر نسخة من الحقوق الموضحة في هذا القسم على مواقع الإنترنت الخاصة بهم بأكبر عدد ممكن من اللغات ، والتي قد تشمل ، على سبيل المثال لا الحصر ، و تنطبق على منطقة المدرسة ، واللغات المترجمة من قبل الإدارة وفقًا لهذا القسم الفرعي.

Assembly Bill 195: 概述

议会法案 195 (AB 195) 修订了有关英语学习者的规定。2021 年 6 月 2 日由 Governor Steve Sisolak 批准, AB 195 扩大了英语学习学生的权利和家长的权力。这些权利是在下面第三个章节解释的。

第三个章节: 英语学习者学生和家长的权力

1. 学习英语的学生有权:
 - a. 接受免费的适当公共教育, 无论学生或学生的父母或法定监护人的移民身份或主要语言;
 - b. 享有参与或获得学校或学区向同年级非英语学习者学生提供的所有课程和服务的平等机会;
 - c. 接受与英语学习者年龄相仿的其他学生相同年级水平的教学, 除非学生就读的学校或学区确定将英语学习者注册在不同的年级水平为适合;
 - d. 享有参与课外活动的平等机会;
 - e. 获得学校或学区向在该学校或学区就读但非英语学习者学生提供的适当的学术支持服务;
 - f. 每年进行评估确定学生在学习英语方面的进展, 并获取有关学生学业成绩的信息, 包括但不限于根据 NRS 390.105 进行的考试成绩; 以及
 - g. 除非学生的父母或法定监护人拒绝将学生注册在英语学习者课程中, 他们就会一直将学生注册在英语学习者课程中, 只要学生被归类为英语学习者。
2. 英语学习者学生的父母或法定监护人有权:
 - a. 在不披露学生或父母或法定监护人的移民身份的情况下, 注册他或她的孩子在公立学校就读;
 - b. 在可行的情况下, 在与学区的重要交流期间, 为家长或法定监护人配备一名合格回说父母或法定监护人主要语言的口译员;
 - c. 在可行的情况下, 收到以英语和父母或法定监护人的主要语言写的书面通知, 告知学生被确定为英语学习者并将被注册在英语学习者课程中;
 - d. 除收到有关学生学习英语的进展情况的信息外, 如果学生就读双语教育课程, 收到此学生在学习该课程语言方面的进展信息;
 - e. 如家长或法定监护人的要求, 除任何其他必要的会议外, 为了讨论学生在学习英语方面的总体进展情况, 每年与学校的工作人员进行至少一次的会议;
 - f. 如果学生目前就读的学校不提供英语学习者的课程或实施 NRS 388.408 纠正行动计划, 则将该学生转至学区内的另一所学校;
 - g. 根据第一个条款的(f) 小款, 收到任何与学生的评估相关的信息; 以及
 - h. 如果学生就读的学校或学区违反本章节的规定, 请联系教育部或学区。
3. 尽管有第二个条款的(b) 和(c) 小款, 每个学区的董事会应以家长或法定监护人能够理解的语言和格式向英语学习者学生的家长或法定监护人提供信息。
4. 在可行的情况下, 每个学区的董事会应以书面形式, 使用英语和英语学习者的父母或法定监护人的主要语言, 在学生在校区内的学校注册时或在学生被确定为英语学习者时, 将本章节中描述的权利告知给父母或法定监护人。学区应在于学区内学校就读的学生进行年度注册时向英语学习者的家长或法定监护人提供本章节所描述权利的副本。
5. 教育部要把此章节所述权利翻译到除英语以外五种最常在家庭使用的语言, 其中可能包括但不限于西班牙语和他加禄语, 而把本副本提供给每个学区内各个家庭。注册英语学习者的每个学区和每所学校的董事会应在其各自的互联网网站上以尽可能多的语言发布本章节

所述权利的副本, 其中可能包括但不限于, 由教育部根据本章节翻译的语言, 具体应适用于学区。

議会法案第195号: 概要

議会法案第195号 (AB195) は、英語学習者である生徒に関する規定を改正するものです。2021年6月2日にスティーブ・シソラック (Steve Sisolak) 知事によって承認されたAB195により、英語学習者の生徒の権利と保護者の権利が拡大します。以下に記載する法案の第3節には、これらの権利の概要が示されています。

第3節: 英語学習者の生徒と保護者の権利

1. 英語学習者である生徒は、以下のことを行う権利を有する。
 - a. 生徒または生徒の親もしくは法定後見人の在留資格や第一言語に関係なく、無料で適切な公教育を受ける。
 - b. 生徒が在籍する学校または学区が、同学年の英語学習者以外の生徒に提供している、全てのプログラムおよびサービスを平等に利用する。
 - c. 生徒が在籍する学校または学区が、英語学習者である生徒を別の学年に在籍させることが適切であると判断しない限り、英語学習者である生徒とほぼ同年齢の他の生徒と同じ学年で授業を受ける。
 - d. 課外活動に平等に参加する。
 - e. 学校または学区に在籍している英語学習者以外の生徒に、学校または学区が提供している、適切な学業支援サービスを受ける。
 - f. 生徒の英語学習の進捗状況を判断し、NRS 390.105に従って実施される試験の結果を含むがこれに限定されない、生徒の学業成績に関する情報を得るために、毎年評価を受ける。
 - g. 生徒の親または法定後見人が、英語学習者向けプログラムへの登録を辞退しない限り、生徒が英語学習者とみなされる間、継続的に英語学習者向けプログラムに参加する。
2. 英語学習者である生徒の親または法定後見人は、以下のことを行う権利を有する。
 - a. 生徒または親もしくは法定後見人の在留資格を開示することなく、自分の子供を公立学校に入学させる。
 - b. 実行可能な限り、学区との重要なやり取りの際には、親または法定後見人の第一言語で適格な通訳を同席させる。
 - c. 実行可能な限り、生徒が英語学習者と認定され、英語学習者向けプログラムに参加することを、英語および親または法定後見人の第一言語の両方で書面による通知を受ける。
 - d. 生徒の英語学習の進捗状況に関する情報を受け取る。また、生徒がバイリンガル教育プログラムに在籍している場合は、当該プログラムにおける言語学習の進捗状況に関する情報を受け取る。
 - e. 親または法定後見人の要請があれば、他の必要な会合に加え、少なくとも年1回、生徒が在籍する学校の職員と面談し、生徒の英語学習の全体的な進捗状況について話し合う。
 - f. 生徒が現在在籍している学校が英語学習者向けプログラムを提供していない場合、またはNRS 388.408の下では正措置計画に位置づけられている場合、生徒を学区内の別の学校に転校させる。
 - g. 第1項第f号に従い、生徒の評価に関連する情報を受け取る。
 - h. 生徒が在籍する学校または学区が本節の規定に違反する場合は、適宜、同局または学区に連絡する。
3. 第2項第b号および第c号の規定にかかわらず、各学区の評議員会は、英語学習者である生徒の親または法定後見人に対し、親または法定後見人が理解できる言語と形式で情報を提供しなければならない。

4. 実行可能な限り、各学区の評議員会は、英語学習者である生徒の親または法定後見人に対し、生徒が学区内の学校に入学する時点、または生徒が英語学習者と認定された時点で、本節に記載されている権利を、英語および親または法定後見人の第一言語の両方で、書面により通知しなければならない。学区は、英語学習者である生徒の親または法定後見人に対し、生徒が学区内の学校に年次登録する際に、本節に記載されている権利の写しを提供しなければならない。

5. 同局は、各学区内の家庭で主に話されている英語以外の最も一般的な5つの言語(スペイン語、タガログ語などが含まれる可能性があるが、これらに限定されない)で、本節に記載されている権利の翻訳の写しを提供しなければならない。各学区の評議員会、および英語学習者である生徒が在籍する各学校は、本節に記載されている権利の写しを、可能な限り多くの言語(本項に従い同局によって翻訳された言語を含むが、これに限定されない、学区に適切な一連の言語)で、インターネットの各ウェブサイトに掲載しなければならない。

Assembly Bill 19

لایحه مجمع 195 (AB 195) مقررات مربوط به دانش آموزانی را که زبان انگلیسی یاد می گیرند ، تجدید نظر می کند. AB 195 با تایید Governor Steve Sisolak در 2 ژوئن 2021 ، حقوق دانش آموزان زبان آموز انگلیسی و حقوق والدین را افزایش می دهد. بخش سوم لایحه شامل موارد زیر ، نمای کلی این حقوق را ارائه می دهد.

بخش سوم: دانش آموز زبان آموز انگلیسی و حقوق والدین

1. دانش آموزی که زبان انگلیسی یاد می گیرد حق دارد:
 - a. بدون توجه به وضعیت مهاجرت یا زبان اصلی دانش آموز یا والدین یا سرپرست قانونی دانش آموز ، از آموزش عمومی مناسب و رایگان برخوردار شوید.
 - b. دسترسی مساوی به کلیه برنامه ها و خدمات ارائه شده به دانش آموزان در همان مقطع تحصیلی که زبان انگلیسی توسط مدرسه یا ناحیه مدرسه ای که دانش آموز در آن تحصیل کرده است ارائه نمی شود.
 - c. از سایر دانش آموزان هم سن و سال خود با دانش آموزانی که زبان انگلیسی یاد می گیرند ، درس بخوانید ، مگر اینکه مدرسه یا ناحیه ای که دانش آموز در آن ثبت نام کرده است ، برای دانش آموزی که زبان انگلیسی یاد می گیرد مناسب باشد. قرار گرفتن در یک سطح متفاوت ؛
 - d. دسترسی برابر برای مشارکت در فعالیتهای فوق برنامه ؛
 - e. دریافت خدمات مناسب برای حمایت تحصیلی توسط مدرسه یا ناحیه مدرسه به دانش آموزانی که در مدرسه یا ناحیه مدرسه ثبت نام کرده اند و زبان آموزان انگلیسی نیستند ؛
 - f. هر سال برای تعیین پیشرفت دانش آموز در یادگیری زبان انگلیسی و کسب اطلاعات در مورد عملکرد تحصیلی دانش آموز مورد ارزیابی قرار بگیرید ، از جمله ، بدون محدودیت ، نتایج یک معاینه که مطابق با NRS 390.105 انجام شده است. و
 - g. تا زمانی که دانش آموز به عنوان یک زبان آموز انگلیسی طبقه بندی شود ، به طور مداوم در برنامه ای قرار بگیرید ، مگر اینکه والدین یا سرپرست قانونی دانش آموز از قرار دادن دانش آموز در برنامه ای برای زبان آموزان انگلیسی خودداری کنند.
2. والدین یا سرپرست قانونی دانش آموزانی که زبان انگلیسی دارند حق دارند:
 - a. ثبت نام فرزند خود در یک مدرسه دولتی بدون افشای وضعیت مهاجرت دانش آموز یا والدین یا سرپرست قانونی ؛
 - b. تا آنجا که امکان پذیر است ، یک مترجم واجد شرایط به زبان اصلی والدین یا سرپرست قانونی با والدین یا سرپرست قانونی در طول تعاملات مهم با منطقه مدرسه داشته باشید.
 - c. تا آنجا که امکان پذیر است ، به زبان انگلیسی و زبان اصلی والدین یا سرپرست قانونی اخطار کتبی دریافت کنید که دانش آموز به عنوان زبان آموز انگلیسی شناخته شده است و در برنامه ای برای زبان آموزان قرار می گیرد.
 - d. دریافت اطلاعات در مورد پیشرفت دانش آموز در یادگیری زبان انگلیسی و در صورت ثبت نام دانش آموز در برنامه آموزش دو زبانه ، پیشرفت دانش آموز در یادگیری زبانهای آن برنامه ؛
 - e. به درخواست والدین یا سرپرست قانونی ، با کارکنان مدرسه ای که در آن مدرسه هستند ملاقات کنید
 - f. دانش آموز حداقل سالی یکبار ، علاوه بر سایر جلسات مورد نیاز ، ثبت نام می کند تا درباره پیشرفت کلی دانش آموز در یادگیری زبان انگلیسی بحث کند.
 - f. در صورتی که مدرسه ای که دانش آموز در آن مشغول به تحصیل است برنامه ای را برای زبان آموزان انگلیسی ارائه ندهد یا مطابق با NRS 388.408 قرار گرفته باشد ، دانش آموز را به مدرسه دیگری در منطقه مدرسه منتقل کنید.
 - g. دریافت اطلاعات مربوط به هرگونه ارزیابی از دانش آموزان بر اساس بند (و) از بخش 1 ؛ و
 - h. چنانچه مدرسه یا ناحیه مدرسه ای که دانش آموز در آن ثبت نام کرده است مفاد این بخش را نقض کند ، با اداره یا ناحیه مدرسه تماس بگیرید.
3. علیرغم مفاد بندهای (ب) و (ج) از بخش 2 ، هیئت امنای هر ناحیه مدرسه باید اطلاعاتی را به والدین یا سرپرست قانونی دانش آموزانی که زبان انگلیسی یاد می گیرند به زبان و قالبی که والدین یا سرپرست قانونی می تواند درک کند تا آنجا که

امکان پذیر است ، هیئت امنای هر ناحیه مدرسه باید به صورت مکتوب و به زبان انگلیسی و زبان اصلی والدین یا سرپرست قانونی دانش آموزی که زبان انگلیسی است ، والدین یا سرپرست قانونی را از حقوق شرح داده شده مطلع سازد.

4 . در این بخش در زمان ثبت نام دانش آموز در مدرسه ای در محدوده مدرسه یا زمانی که دانش آموز به عنوان یک زبان آموز انگلیسی شناخته می شود. ناحیه مدرسه باید یک کپی از حقوق توصیف شده در این بخش را در ثبت سالانه دانش آموز در مدرسه ای در محدوده مدرسه در اختیار والدین یا سرپرست قانونی دانش آموزی که زبان انگلیسی است ، قرار دهد.

5 . دیارتمان باید نسخه های ترجمه شده از حقوق توصیف شده در این بخش را به پنج زبان رایج غیر از انگلیسی که در خانواده های هر منطقه مدرسه به طور عمده صحبت می شود ، ارائه دهد ، که ممکن است شامل اسپانیایی و تاگالوگ بدون محدودیت باشد. هیئت امنای هر ناحیه مدرسه و هر مدرسه ای که دانش آموزانی را فرا می گیرد که زبان آموز انگلیسی هستند ، باید نسخه ای از حقوق شرح داده شده در این بخش را در وب سایت های اینترنتی مربوط به بیشترین زبان ممکن ارسال کنند ، که ممکن است بدون محدودیت و به عنوان قابل اجرا برای منطقه مدرسه ، زبان هایی که توسط بخش مطابق با این بخش ترجمه شده است.

Assembly Bill 195: ภาพรวม

Assembly Bill 195 (AB 195) แก้ไขบทบัญญัติที่เกี่ยวข้องกับนักเรียนที่เป็นผู้เรียนภาษาอังกฤษ AB 195 ได้รับอนุมัติจาก Steve Sisolak ผู้ว่าการรัฐ เมื่อวันที่ 2 มิถุนายน 2021 โดยขยายสิทธิของนักเรียนผู้เรียนภาษาอังกฤษและสิทธิของบิดามารดา มาตราสามของร่างกฎหมายฉบับนี้ซึ่งกล่าวไว้ด้านล่างนี้ระบุถึงภาพรวมของสิทธิเหล่านี้

มาตราสาม: สิทธิของนักเรียนผู้เรียนภาษาอังกฤษและบิดามารดา

1. นักเรียนที่เป็นผู้เรียนภาษาอังกฤษมีสิทธิที่จะ
 - a. ได้รับการศึกษาของรัฐที่เหมาะสมโดยไม่เสียค่าใช้จ่ายและโดยไม่คำนึงถึงสถานะการเข้าเมืองหรือภาษาหลักของนักเรียนหรือบิดามารดาหรือผู้ปกครองตามกฎหมายของนักเรียน
 - b. เข้าถึงโปรแกรมและบริการทั้งหมดซึ่งโรงเรียนหรือเขตพื้นที่การศึกษาที่นักเรียนลงทะเบียนเรียนเสนอให้กับนักเรียนในระดับชั้นเดียวกันที่ไม่ใช่ผู้เรียนภาษาอังกฤษอย่างเท่าเทียม
 - c. ได้รับการเรียนการสอนในระดับชั้นเดียวกันกับนักเรียนคนอื่น ๆ ที่มีอายุใกล้เคียงกับนักเรียนที่เป็นผู้เรียนภาษาอังกฤษ เว้นแต่โรงเรียนหรือเขตพื้นที่การศึกษาที่นักเรียนลงทะเบียนเรียนจะพิจารณาเห็นว่านักเรียนที่เป็นผู้เรียนภาษาอังกฤษควรได้รับการเรียนการสอนในระดับชั้นอื่น
 - d. เข้าถึงการเข้าร่วมกิจกรรมนอกหลักสูตรอย่างเท่าเทียม
 - e. ได้รับบริการสำหรับการสนับสนุนทางวิชาการที่เหมาะสมซึ่งโรงเรียนหรือเขตพื้นที่การศึกษาจัดหาให้กับนักเรียนที่ไม่ใช่ผู้เรียนภาษาอังกฤษซึ่งลงทะเบียนเรียนในโรงเรียนหรือเขตพื้นที่การศึกษา
 - f. ได้รับการประเมินในแต่ละปีเพื่อดูความก้าวหน้าในการเรียนภาษาอังกฤษของนักเรียนและเพื่อให้ได้ข้อมูลเกี่ยวกับผลการเรียนของนักเรียน รวมถึงแต่ไม่จำกัดเพียงผลการสอบที่ดำเนินการตาม NRS 390.105 และ
 - g. ได้รับการจัดให้อยู่ในโปรแกรมสำหรับผู้เรียนภาษาอังกฤษอย่างต่อเนื่องครบเท่าที่นักเรียนได้รับการจัดประเภทเป็นผู้เรียนภาษาอังกฤษ เว้นแต่บิดามารดาหรือผู้ปกครองตามกฎหมายของนักเรียนจะปฏิเสธไม่ให้นักเรียนอยู่ในโปรแกรมสำหรับผู้เรียนภาษาอังกฤษ
2. บิดามารดาหรือผู้ปกครองตามกฎหมายของนักเรียนที่เป็นผู้เรียนภาษาอังกฤษมีสิทธิที่จะ
 - a. ลงทะเบียนเรียนให้บุตรหลานในโรงเรียนของรัฐโดยไม่เปิดเผยสถานะการเข้าเมืองของนักเรียนหรือบิดามารดาหรือผู้ปกครองตามกฎหมาย
 - b. มีสามภาษาหลักของบิดามารดาหรือผู้ปกครองตามกฎหมายที่มีคุณสมบัติเหมาะสมเพื่อเข้าร่วมการหารือที่สำคัญกับเขตพื้นที่การศึกษาพร้อมกับบิดามารดาหรือผู้ปกครองตามกฎหมายเท่าที่จะสามารถกระทำได้
 - c. ได้รับหนังสือแจ้งอย่างเป็นทางการเป็นลายลักษณ์อักษรทั้งภาษาอังกฤษและภาษาหลักของบิดามารดาหรือผู้ปกครองตามกฎหมาย ซึ่งว่านักเรียนได้รับการระบุว่าเป็นผู้เรียนภาษาอังกฤษและจะได้รับการจัดให้อยู่ในโปรแกรมสำหรับผู้เรียนภาษาอังกฤษในเท่าที่จะสามารถกระทำได้
 - d. ได้รับข้อมูลเกี่ยวกับความก้าวหน้าในการเรียนภาษาอังกฤษของนักเรียน และหากนักเรียนลงทะเบียนเรียนในโปรแกรมการศึกษาแบบสองภาษา จะได้รับข้อมูลเกี่ยวกับความก้าวหน้าในการเรียนภาษาในหลักสูตรนั้นของนักเรียน
 - e. พบกับเจ้าหน้าที่ของโรงเรียนที่นักเรียนลงทะเบียนเรียนเพื่อหารือเกี่ยวกับความคืบหน้าโดยรวมในการเรียนภาษาอังกฤษของนักเรียนอย่างน้อยปีละหนึ่งครั้ง นอกเหนือไปจากการประชุมที่จำเป็นอื่น ๆ เมื่อบิดามารดาหรือผู้ปกครองตามกฎหมายร้องขอ
 - f. ย้ายนักเรียนไปยังโรงเรียนอื่นภายในเขตพื้นที่การศึกษาหากโรงเรียนที่นักเรียนลงทะเบียนเรียนอยู่ในปัจจุบันไม่มีหลักสูตรสำหรับผู้เรียนภาษาอังกฤษหรือได้รับการจัดให้อยู่ในแผนปฏิบัติการแก้ไขตาม NRS 388.408

- g. ได้รับข้อมูลเกี่ยวกับการประเมินใด ๆ ของนักเรียนตามวรรค (f) ของอนุมาตรา 1 และ
h. ติดต่อกระทรวงหรือเขตพื้นที่การศึกษาตามความเหมาะสม หากโรงเรียนหรือเขตพื้นที่การศึกษาที่นักเรียนลงทะเบียนเรียนละเมิดบทบัญญัติของมาตรานี้

3. แม้จะมีบทบัญญัติของวรรค (b) และ (c) ของอนุมาตรา 2 แต่คณะกรรมการของแต่ละเขตพื้นที่การศึกษาจะต้องให้ข้อมูลแก่บิดามารดาหรือผู้ปกครองตามกฎหมายของนักเรียนที่เป็นผู้เรียนภาษาอังกฤษในภาษาและรูปแบบซึ่งบิดามารดาหรือผู้ปกครองตามกฎหมายสามารถเข้าใจได้
4. คณะกรรมการของแต่ละเขตพื้นที่การศึกษาจะต้องแจ้งให้บิดามารดาหรือผู้ปกครองตามกฎหมายทราบถึงสิทธิที่อธิบายไว้ในมาตรานี้อย่างเป็นลายลักษณ์อักษรและทั้งในภาษาอังกฤษและภาษาหลักของบิดามารดาหรือผู้ปกครองตามกฎหมายของนักเรียนที่เป็นผู้เรียนภาษาอังกฤษเท่าที่จะสามารถกระทำได้ ณ เวลาที่ลงทะเบียนเป็นนักเรียนในโรงเรียนภายในเขตพื้นที่การศึกษาหรือ ณ เวลาที่นักเรียนได้รับการระบุว่าเป็นผู้เรียนภาษาอังกฤษ เขตพื้นที่การศึกษาจะต้องจัดเตรียมเอกสารสำเนาแสดงสิทธิที่อธิบายไว้ในมาตรานี้ให้กับบิดามารดาหรือผู้ปกครองตามกฎหมายของนักเรียนที่เป็นผู้เรียนภาษาอังกฤษ ณ เวลาลงทะเบียนประจำปีของนักเรียนในโรงเรียนภายในเขตพื้นที่การศึกษา
5. กระทรวงจะต้องจัดเตรียมเอกสารสำเนาแสดงสิทธิที่อธิบายไว้ในมาตรานี้เป็นฉบับแปลในห้าภาษาที่ใช้กันมากที่สุดนอกเหนือจากภาษาอังกฤษ โดยเป็นภาษาที่ใช้สื่อสารกันเป็นหลักในครัวเรือนภายในแต่ละเขตพื้นที่การศึกษา ซึ่งอาจรวมถึงแต่ไม่จำกัดเพียงภาษาสเปนและตากาล็อก คณะกรรมการของแต่ละเขตพื้นที่การศึกษาและแต่ละโรงเรียนที่รับนักเรียนที่เป็นผู้เรียนภาษาอังกฤษเข้าเรียนจะต้องลงประกาศเอกสารสำเนาแสดงสิทธิที่อธิบายไว้ในมาตรานี้นบนเว็บไซต์อินเทอร์เน็ตของตนในภาษาต่าง ๆ ให้ได้มากที่สุด ซึ่งอาจรวมถึงแต่ไม่จำกัดเพียงภาษาที่แปลโดยกระทรวงตามอนุมาตรานี้และตามความเหมาะสมสำหรับเขตพื้นที่การศึกษา